



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 38

Ngày 05 tháng 06 năm 2024

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

10/05/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 07/2024/QĐ-UBND ban hành Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La	3
29/05/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 09/2024/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 10/3/2021, Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022, Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của UBND tỉnh ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh và giao nhiệm vụ mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Sơn La	63
30/05/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 10/2024/QĐ-UBND ban hành Quy định quản lý, sử dụng đối với chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La	65
31/05/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 11/2024/QĐ-UBND ban hành Quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Bản, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Sơn La	74

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2024/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 10 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 458/QĐ-BKHCN ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc đính chính Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 630/TTr-SKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2024 và thay thế Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện
nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách**

Nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Kèm theo Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách Nhà nước (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ) dưới các hình thức đề tài khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là đề tài), dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi tắt là dự án), đề án khoa học (sau đây gọi tắt là đề án).

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phương thức họp trực tuyến của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh là phương thức họp thông qua giải pháp công nghệ hỗ trợ các thành viên hội đồng và các đại biểu tham dự ở những địa điểm, vị trí địa lý khác nhau để thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng.

2. Tài khoản người dùng là tên truy cập và mật khẩu dùng của thành viên Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, thành viên Tổ thẩm định hoặc chuyên gia tư vấn độc lập để đăng nhập vào Hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ Quốc gia.

Chương II QUY ĐỊNH TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Mục 1

**NGUYÊN TẮC VÀ ĐIỀU KIỆN TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

Điều 3. Nguyên tắc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ và thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ

1. Nguyên tắc chung

a) Việc tuyển chọn phải bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan; kết quả tuyển chọn phải được công bố công khai trên Hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ Quốc gia được quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách Nhà nước và Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh, trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác.

b) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn được đánh giá thông qua Hội đồng tư vấn tuyển chọn (*sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn*) do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập hoặc có Quyết định ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn.

Việc đánh giá được tiến hành bằng phương thức chấm điểm theo các nhóm tiêu chí cụ thể quy định tại Điều 11 Quy định này.

c) Trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định lựa chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định hoặc có Quyết định ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

2. Thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ

Danh mục các nhiệm vụ, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn được thông báo công khai trên Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh, trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác trong thời gian 30 ngày để tổ chức và cá nhân chuẩn bị hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn.

3. Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thông báo tuyển chọn lần 2 trong khoảng thời gian không quá 06 tháng tính từ ngày bắt đầu thông báo tuyển chọn lần 1 trong các trường hợp sau:

a) Khi hết thời gian thông báo tuyển chọn mà không có hồ sơ đăng ký tuyển chọn.

b) Các hồ sơ không hợp lệ khi tiến hành mở, kiểm tra hồ sơ.

c) Các hồ sơ bị hủy kết quả tuyển chọn theo quy định tại điểm a, b, d và đ khoản 1 và điểm a, b và d khoản 2 Điều 16 Quy định này.

d) Trường hợp khác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định hoặc có Quyết định ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

Điều 4. Điều kiện tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ

Điều kiện tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ vận dụng thực hiện theo Điều 4 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN và Quyết định số 458/QĐ-BKHCN ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc đính chính Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

Mục 2**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA TUYỂN CHỌN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ****Điều 5.** Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ vận dụng thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN và Quyết định số 458/QĐ-BKHCN ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc đính chính Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

2. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều này gồm:

a) Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính: Hồ sơ gồm 01 bộ, sử dụng phông chữ tiếng Việt Times New Roman, bộ mã ký tự Unicode theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, màu đen và 01 bản điện tử của hồ sơ (*dạng PDF, không đặt mật khẩu*) ghi trên USB. Toàn bộ hồ sơ được đóng gói, niêm phong và bên ngoài ghi rõ:

- Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

- Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ; tên, địa chỉ, số điện thoại của chủ nhiệm vụ.

- Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

b) Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: 01 bộ hồ sơ điện tử gồm các văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này và được chứng thực điện tử theo quy định hiện hành.

Thời hạn và địa chỉ nộp hồ sơ theo thông báo trên Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh, trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác và bằng văn bản (*trường hợp nhiệm vụ có chứa bí mật Nhà nước*).

3. Ngày nhận hồ sơ

a) Đối với trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính: Ngày ghi tại dấu bưu chính nơi gửi (*trường hợp gửi qua bưu chính*) hoặc dấu đến của Sở Khoa học và Công nghệ (*trường hợp nộp trực tiếp*).

b) Đối với trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến: Ngày nộp hồ sơ được xác định căn cứ theo thời gian thực ghi nhận trên Hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quốc gia.

4. Trong thời hạn quy định nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp.

Việc thay hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định. Các tài liệu bổ sung sau thời hạn nộp hồ sơ theo quy định không là bộ phận cấu thành của hồ sơ, trừ tài liệu quy định tại khoản 6 và khoản 11 Điều 5 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

Điều 6. Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ

1. Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm mở, kiểm tra hiện trạng của hồ sơ; rà soát, kiểm tra các thông tin liên quan đến quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Kết quả mở hồ sơ được ghi thành biên bản theo Biểu B2-1-BBHS tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

3. Trên cơ sở rà soát hồ sơ đăng ký, Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thiện biên bản mở hồ sơ.

4. Trường hợp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn được nộp trực tuyến, khi kết thúc thời hạn nhận hồ sơ, Biên bản mở hồ sơ sẽ được trích xuất theo Biểu B2-1-BBHS tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

5. Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá là hồ sơ được chuẩn bị theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy định này và các quy định có liên quan khác. Đối với các hồ sơ không hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản cho các tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ.

Mục 3

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN VÀ TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 7. Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ và Tổ kiểm tra

1. Hội đồng tư vấn do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc có Quyết định ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn.

a) Hội đồng tư vấn có từ 07 đến 09 thành viên là các ủy viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên kiêm thư ký, 02 thành viên làm ủy viên phản biện và các thành viên khác.

b) Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên của Hội đồng tư vấn là các chuyên gia có chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đại diện cơ quan, tổ chức đề xuất đặt hàng; nhà quản lý, nhà kinh doanh có năng lực

chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ tư vấn; cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được tham gia Hội đồng tư vấn

a) Cá nhân đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ.

b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ.

c) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

d) Có căn cứ rõ ràng về việc không vô tư, không khách quan khi tham gia Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ.

đ) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thư ký khoa học và thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ.

e) Cá nhân chưa chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích.

3. Các ủy viên đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tư vấn đối với các nhiệm vụ tương ứng.

4. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ (*sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định*) do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc có Quyết định ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định.

Tổ thẩm định gồm 05 thành viên, trong đó: Tổ trưởng Tổ thẩm định là Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ; Tổ phó Tổ thẩm định là đại diện Lãnh đạo Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ; 01 thành viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hoặc ủy viên phản biện của Hội đồng tư vấn tuyển chọn; 01 thành viên là thư ký Hội đồng tư vấn tuyển chọn; 01 thành viên kiêm thư ký Tổ thẩm định là kế toán Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định làm việc theo nguyên tắc, trình tự và nội dung quy định tại Điều 9, 10, 11, 12 và Điều 13 Quy định này.

6. Đối với dự án, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc có Quyết định ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực, tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ (*sau đây gọi tắt là Tổ kiểm tra*). Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản theo Biểu B2-9-BBKQKT tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này và cung cấp cho các thành viên tại phiên làm việc của Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định.

7. Đối với đề tài, trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc có Quyết định ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ kiểm tra. Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản theo Biểu B2-9-BBKQKT tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này và cung cấp cho các thành viên tại phiên làm việc của Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định.

8. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định hoặc có Quyết định ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định số lượng thành viên và thành phần của Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định, Tổ kiểm tra khác với quy định tại khoản 1, 4, 6 và 7 Điều này.

Điều 8. Chuẩn bị tổ chức các phiên họp của Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định

1. Thư ký có trách nhiệm

Chuẩn bị và gửi tài liệu đến tất cả thành viên Hội đồng tư vấn và thành viên Tổ thẩm định hoặc chuyên gia (*nếu có*) ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp và 03 ngày làm việc trước phiên họp thẩm định kinh phí; cung cấp tài khoản người dùng cho các thành viên của Hội đồng tư vấn và các thành viên Tổ thẩm định hoặc chuyên gia (*nếu có*) ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp và 03 ngày làm việc trước phiên họp thẩm định kinh phí trong trường hợp họp trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

2. Tài liệu phục vụ phiên họp đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn bao gồm:

- a) Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn.
- b) Trích lục danh mục nhiệm vụ được phê duyệt.
- c) Bản sao hồ sơ gốc hoặc bản điện tử của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn.
- d) Phiếu nhận xét nhiệm vụ theo các Biểu mẫu của Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này (*đề tài: Biểu B2-2a-NXĐTCN hoặc Biểu B2-2b-NXĐTXH/NXĐA; dự án: Biểu B2-2c-NXĐA; đề án: Biểu B2-2b-NXĐTXH/NXĐA*).

đ) Ý kiến giải trình của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ đối với các câu hỏi của các thành viên Hội đồng tư vấn (*nếu có*).

e) Biên bản ghi nhận kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ (*nếu có*) theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 7 Quy định này.

g) Tài liệu liên quan khác.

3. Tài liệu phục vụ phiên họp thẩm định kinh phí nhiệm vụ bao gồm:

- a) Quyết định thành lập Tổ thẩm định.
- b) Thuyết minh nhiệm vụ đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng tư vấn.
- c) Bản giải trình của tổ chức chủ trì về những nội dung đã chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng tư vấn theo Biểu B2-8-GTHĐ tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này và hồ sơ, tài liệu bổ sung (*nếu có*).

d) Biên bản họp Hội đồng tư vấn.

đ) Biên bản ghi nhận kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ (*nếu có*).

e) Lý lịch khoa học các thành viên thực hiện chính, thư ký thực hiện nhiệm vụ có xác nhận của tổ chức quản lý nhân sự (*Biểu B1-4-LLCN tại Phụ lục I Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN*).

g) Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm, dịch vụ cần thuê để thực hiện nhiệm vụ còn hiệu lực (*thời gian báo giá không quá 90 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ*).

h) Các tài liệu khác có liên quan.

4. Đối với trường hợp hợp trực tuyến hoặc hợp trực tiếp kết hợp với trực tuyến các tài liệu được nêu tại khoản 2 và khoản 3 Điều này được đăng tải trên Hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quốc gia.

Điều 9. Phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn họp theo một trong các phương thức sau:

a) Phương thức hợp trực tiếp.

b) Phương thức hợp trực tuyến.

c) Phương thức hợp trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

2. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng tư vấn

a) Phải có sự tham gia ít nhất 2/3 số ủy viên Hội đồng tư vấn, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền và 02 ủy viên phản biện.

b) Chủ tịch Hội đồng tư vấn chủ trì các phiên họp Hội đồng tư vấn. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng tư vấn vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn được ủy quyền bằng văn bản chủ trì phiên họp (*Giấy ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng tư vấn theo Biểu B2-7-GUQ tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này*).

3. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng tư vấn

a) Đánh giá trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng tư vấn. Các thành viên Hội đồng tư vấn, đại biểu tham gia và thư ký có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp.

b) Nghiên cứu, phân tích từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ; nhận xét, đánh giá từng hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định và luận giải cho việc nhận xét, đánh giá.

c) Gửi câu hỏi đối với hồ sơ đăng ký tuyển chọn nhiệm vụ (*nếu có*) cho Sở Khoa học và Công nghệ ít nhất 02 ngày làm việc trước phiên họp đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn đối với trường hợp hợp trực tiếp theo Biểu B2-10-CHHĐTV tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này hoặc gửi đến địa chỉ đã được cung cấp thông qua tài khoản người dùng được cấp cho các thành viên Hội đồng tư vấn đối với trường hợp hợp trực tuyến hoặc hợp trực tuyến kết hợp với trực tiếp.

Điều 10. Trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn

1. Thư ký công bố quyết định thành lập Hội đồng tư vấn, giới thiệu thành phần Hội đồng tư vấn và các đại biểu tham dự, biên bản mở hồ sơ.

2. Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc tuyển chọn nhiệm vụ.

3. Hội đồng tư vấn trao đổi thống nhất nguyên tắc làm việc; bầu Ban kiểm phiếu gồm 03 ủy viên của Hội đồng tư vấn, trong đó có Trưởng ban kiểm phiếu và 02 ủy viên.

4. Đại diện Tổ kiểm tra công bố Biên bản ghi nhận kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ (nếu có).

5. Hội đồng tư vấn tiến hành đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp:

a) Các ủy viên Hội đồng trình bày nhận xét đánh giá từng hồ sơ theo quy định tại biểu mẫu; nhận xét về sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ; đề xuất những nội dung trong thuyết minh cần sửa đổi và bổ sung; so sánh giữa các hồ sơ đăng ký trong cùng nhiệm vụ.

b) Thư ký đọc Phiếu nhận xét của ủy viên vắng mặt (nếu có).

c) Hội đồng tư vấn thảo luận, đánh giá từng hồ sơ theo các nhóm tiêu chí và thang điểm đánh giá quy định tại Điều 11 Quy định này.

d) Các ủy viên Hội đồng tư vấn bỏ phiếu đánh giá chấm điểm cho từng hồ sơ theo hình thức bỏ phiếu. Phiếu đánh giá có điểm chênh lệch quá 20% so với điểm trung bình của tất cả thành viên là phiếu không hợp lệ. Phiếu đánh giá chấm điểm tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này (đề tài: *Biểu B2-3a-DGĐTCN hoặc Biểu B2-3b-DGĐTXH/DGĐA*; dự án: *Biểu B2-3c-DGĐA*; đề án: *Biểu B2-3b-DGĐTXH/DGĐA*).

6. Thư ký của Hội đồng tư vấn giúp Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả bỏ phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng tư vấn theo Biểu B2-4-KPĐG tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này và xếp hạng các hồ sơ được đánh giá có tổng số điểm trung bình phiếu hợp lệ từ cao xuống thấp theo Biểu 2-5-THKP tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

7. Ban kiểm phiếu công bố kết quả chấm điểm đánh giá sau khi xem xét, loại bỏ phiếu không hợp lệ. Trường hợp hồ sơ của tổ chức chủ trì là tổ chức đề xuất nhiệm vụ có điểm trung bình đạt từ 70/100 điểm, tổng điểm của hồ sơ được cộng thêm 10% (mười phần trăm) điểm trung bình của hồ sơ đó.

8. Hội đồng tư vấn kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển thực hiện nhiệm vụ khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có hồ sơ được đánh giá đạt tổng số điểm trung bình cao nhất và phải đạt

từ 70/100 điểm trở lên, trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/4 số thành viên Hội đồng tư vấn có mặt cho điểm không (0 điểm).

b) Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì ưu tiên theo thứ tự như sau:

- Ưu tiên hồ sơ có số kinh phí đề xuất từ ngân sách Nhà nước ít hơn.
- Ưu tiên chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc tổ chức chủ trì đã có nhiệm vụ cấp tỉnh được đánh giá xếp loại xuất sắc trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm đăng ký thực hiện nhiệm vụ.
- Đối với các hồ sơ có điểm ưu tiên trên như nhau thì ưu tiên hồ sơ có điểm trung bình về nội dung và phương án triển khai của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ cao hơn.

9. Hội đồng tư vấn kết luận chung về hồ sơ của tổ chức được kiến nghị trúng tuyển:

a) Nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong thuyết minh nhiệm vụ để đáp ứng yêu cầu đặt hàng.

b) Số lượng chuyên gia trong và ngoài nước cần thiết để tham gia thực hiện.

c) Phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

10. Thư ký lập và hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng tư vấn theo Biểu B2-6-BBHD tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

11. Hội đồng tư vấn thông qua Biên bản họp.

12. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày Hội đồng tư vấn thông qua Biên bản họp, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ trúng tuyển có trách nhiệm hoàn thiện và gửi lại thuyết minh nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng tư vấn, Bản giải trình của tổ chức chủ trì về những nội dung đã chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng tư vấn theo Biểu B2-8-GTHĐ tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này, các tài liệu quy định tại khoản 6 và khoản 11 Điều 5 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN và các tài liệu liên quan khác.

Điều 11. Nhóm tiêu chí và thang điểm đánh giá hồ sơ tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ

Hồ sơ tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ được đánh giá, chấm điểm tối đa 100 điểm theo các nhóm tiêu chí và thang điểm sau:

1. Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ:

a) Tổng quan tình hình nghiên cứu (tối đa 12 điểm).

b) Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng (tối đa 24 điểm).

c) Sản phẩm khoa học và công nghệ (tối đa 16 điểm).

d) Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống (tối đa 16 điểm).

đ) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (tối đa 16 điểm).

e) Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (tối đa 16 điểm).

2. Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn và đề án khoa học:

a) Tổng quan tình hình nghiên cứu (tối đa 12 điểm).

b) Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu (tối đa 12 điểm).

c) Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu (tối đa 12 điểm).

d) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (tối đa 20 điểm).

đ) Sản phẩm khoa học, lợi ích kết quả của đề tài, đề án và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu (tối đa 24 điểm).

e) Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (tối đa 20 điểm).

3. Đề tài nghiên cứu trong các lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ khác, tùy thuộc vào nội dung nghiên cứu áp dụng nhóm tiêu chí và thang điểm quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này.

4. Dự án

a) Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án (điểm tối đa 8).

b) Nội dung và phương án triển khai (tối đa 20 điểm).

c) Tính mới và tính khả thi của công nghệ (tối đa 12 điểm).

d) Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến của dự án (tối đa 12 điểm).

đ) Sản phẩm khoa học và công nghệ (tối đa 16 điểm).

e) Phương án tài chính (tối đa 16 điểm).

g) Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (tối đa 16 điểm).

5. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh có thể điều chỉnh tiêu chí, thang điểm đánh giá tùy theo đặc thù của các loại hình nhiệm vụ hoặc có Quyết định ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ điều chỉnh tiêu chí, thang điểm đánh giá tùy theo đặc thù của các loại hình nhiệm vụ.

Điều 12. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ và trách nhiệm của Tổ thẩm định

1. Nguyên tắc làm việc của Tổ thẩm định

a) Chậm nhất là 10 ngày sau khi nhận được hồ sơ theo quy định tại khoản 12 Điều 10 Quy định này, phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Tổ thẩm định.

b) Phải có mặt ít nhất 4/5 thành viên Tổ thẩm định, trong đó phải có thành viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hoặc chuyên gia phản biện của Hội đồng.

c) Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì phiên họp. Trong trường hợp Tổ trưởng Tổ thẩm định vắng mặt, Tổ phó Tổ thẩm định chủ trì phiên họp.

d) Có kết luận tập thể về nội dung thẩm định. Các ý kiến của thành viên Tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của Tổ thẩm định được bảo lưu và ghi rõ trong Biên bản.

2. Nhiệm vụ của Tổ thẩm định

a) Rà soát lại nội dung chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến Hội đồng tư vấn và nội dung chỉnh sửa khác (nếu có).

b) Đánh giá sự phù hợp của dự toán kinh phí so với:

- Các nội dung nghiên cứu theo kết luận của Hội đồng tư vấn và các nội dung chỉnh sửa khác (nếu có).

- Thời gian cần thiết để thực hiện.

- Các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi hiện hành.

- Thuyết minh chi tiết về các nội dung công việc chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi.

c) Đánh giá khả năng đối ứng vốn ngoài ngân sách Nhà nước và phương án huy động của tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ (nếu có); các hồ sơ tài liệu phải bổ sung trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (nếu cần thiết).

d) Kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước và các nguồn khác (nếu có), thời gian thực hiện và phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

3. Trách nhiệm của Tổ thẩm định

a) Thành viên Tổ thẩm định chịu trách nhiệm cá nhân và tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định. Các thành viên Tổ thẩm định, đại biểu (nếu có) và thư ký có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình thẩm định kinh phí.

b) Tổ thẩm định báo cáo bằng văn bản với Chủ tịch UBND tỉnh và đề xuất phương án xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết, phát sinh trong quá trình thẩm định hồ sơ nhiệm vụ để xem xét, quyết định.

Điều 13. Trình tự, nội dung làm việc của Tổ thẩm định

1. Thư ký công bố quyết định thành lập Tổ thẩm định, giới thiệu thành phần Tổ thẩm định và các đại biểu tham dự, đọc kết luận của Hội đồng tư vấn tại phiên họp đánh giá hồ sơ.

2. Chủ trì phiên họp thẩm định kinh phí nêu nguyên tắc, nhiệm vụ và trách nhiệm của Tổ thẩm định, những yêu cầu và nội dung của việc thẩm định kinh phí đối với nhiệm vụ.

3. Đại diện tổ chức chủ trì trình bày về những nội dung đã bổ sung, chỉnh

sửa theo kết luận của Hội đồng tư vấn và những nội dung sửa đổi, bổ sung khác (nếu có); trả lời các câu hỏi của thành viên Tổ thẩm định (nếu có) và không tiếp tục tham dự phiên họp của Tổ thẩm định.

4. Thành viên Tổ thẩm định cho ý kiến nhận xét đối với những nội dung của nhiệm vụ so với kết luận của Hội đồng tư vấn.

5. Các thành viên Tổ thẩm định nêu ý kiến thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy định này; thảo luận về dự kiến kết luận của Tổ thẩm định.

6. Trước khi Tổ thẩm định có ý kiến kết luận, đại diện tổ chức chủ trì được mời tiếp tục tham dự cuộc họp của Tổ thẩm định để nghe thông báo về dự kiến kết luận của Tổ thẩm định. Đại diện Tổ chức chủ trì có quyền nêu ý kiến giải trình, làm rõ trước khi Tổ thẩm định kết luận chính thức.

7. Thư ký Tổ thẩm định giúp Tổ thẩm định hoàn thiện Biên bản thẩm định theo các biểu mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này (đề tài/đề án: *Biểu B3-1a-BBTĐĐT/ĐA, Biểu B3-2a-PLBBTĐĐT/ĐA; dự án: Biểu B3-1b-BBTĐDA, Biểu B3-2b-PLBBTĐDA*).

Mục 4

PHÊ DUYỆT, LƯU GIỮ VÀ HỦY KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 14. Phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định kinh phí hoặc nhận được ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có), tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ theo kết luận của Tổ thẩm định, giải trình chi tiết kết luận của Tổ thẩm định (*Biểu B3-3-GTTĐKP tại Phụ lục II*) và nộp lại cho Sở Khoa học và Công nghệ sau khi có xác nhận đã tiếp thu ý kiến của chủ trì phiên họp thẩm định kinh phí.

2. Hồ sơ trình phê duyệt vận dụng thực hiện theo khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

3. Phê duyệt kết quả tuyển chọn

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thuyết minh đã hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ký Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ. Thời gian thực hiện nhiệm vụ bao gồm thời gian triển khai nghiên cứu và thời gian hoàn thiện hồ sơ phục vụ đánh giá nghiệm thu (*không quá 03 tháng*).

b) Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ.

c) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định hoặc có Quyết định ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập theo quy định tại Điều 17 và Điều 19 Quy định này.

Điều 15. Lưu giữ, quản lý hồ sơ gốc và công khai thông tin

1. Sau khi kết thúc quá trình tuyển chọn, thư ký của các phiên họp có trách nhiệm tổng hợp tài liệu (*kể cả các hồ sơ không trúng tuyển*) để lưu giữ và quản lý theo quy định hiện hành.

2. Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ công khai thông tin về kết quả tuyển chọn nhiệm vụ (*trừ các nhiệm vụ có nội dung chứa bí mật Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định*) theo quy định cụ thể như sau:

a) Nội dung công khai

Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ đặt hàng; Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ.

b) Phương thức công khai

Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi ký quyết định phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai kết quả tuyển chọn và đăng tải tối thiểu 60 ngày trên Hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quốc gia và Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh, trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Điều 16. Hủy kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ

1. Trong quá trình tuyển chọn, UBND tỉnh hủy kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

b) Vi phạm các điều kiện quy định tại Điều 4 Quy định này.

c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ từ các nguồn khác của ngân sách Nhà nước.

d) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ không thực hiện quy định tại khoản 12 Điều 10 Quy định này.

đ) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ không thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 14 Quy định này.

2. Kể từ ngày Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ có hiệu lực đến thời điểm ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh hủy bỏ quyết định phê duyệt trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ.

b) Vi phạm các điều kiện quy định tại Điều 4 Quy định này.

c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ từ các nguồn khác của ngân sách Nhà nước.

d) Tổ chức chủ trì đề nghị không thực hiện nhiệm vụ hoặc đề xuất thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ.

3. Trong thời hạn 07 ngày, phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thông báo tới tổ chức chủ trì:

a) Hủy kết quả tham gia tuyển chọn đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

b) Hủy kết quả họp Hội đồng tư vấn đối với các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

c) Hủy kết quả thẩm định kinh phí đối với các trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.

d) Hủy Quyết định phê duyệt kinh phí nhiệm vụ đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ bị hủy kết quả tuyển chọn phải chịu các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Trường hợp cần thiết khác, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định.

Chương III

CHUYÊN GIA TƯ VẤN ĐỘC LẬP

Điều 17. Chuyên gia tư vấn độc lập

1. Chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá hồ sơ nhiệm vụ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Không phải là thành viên Hội đồng tư vấn; không thuộc tổ chức chủ trì; không phải là người tham gia thực hiện nhiệm vụ; không là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thư ký khoa học và thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ; không phải là người đã bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt hoặc bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc bị cấm làm công việc nhất định liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ mà chưa được xóa án tích; có căn cứ rõ ràng về việc không vô tư, khách quan khi đưa ra ý kiến tư vấn.

b) Là người có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực và tối thiểu 5 năm kinh nghiệm nghiên cứu hoặc làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc cơ quan quản lý nhiệm vụ yêu cầu thực hiện.

2. Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định việc lựa chọn chuyên gia tư vấn độc lập không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này hoặc có Quyết định ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định.

Điều 18. Trách nhiệm của chuyên gia tư vấn độc lập

1. Phân tích, đánh giá và đưa ra các ý kiến phản biện đối với các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp về nội dung, mục tiêu nghiên cứu, kết quả cần phải đạt được và số nhân lực, thời gian thực hiện các công việc theo từng nội dung của nhiệm vụ và đánh giá năng lực của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Hoàn thành báo cáo tư vấn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu; giữ bí mật các thông tin đánh giá và gửi trực tiếp báo cáo tư vấn đến Sở Khoa học và Công nghệ trong phong bì có niêm phong.

3. Trong thời gian được mời tư vấn độc lập, cam kết không tiếp xúc hoặc trao đổi thông tin về nhiệm vụ được mời tư vấn với tổ chức chủ trì, tổ chức phối hợp hoặc các cá nhân tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ. Trường hợp vi phạm sẽ bị hủy bỏ kết quả tư vấn và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Thủ tục lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập

1. Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến của ít nhất 03 chuyên gia tư vấn độc lập trong trường hợp cần thiết.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chỉ đạo lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập, thư ký Hội đồng có trách nhiệm gửi tới chuyên gia tư vấn độc lập:

a) Công văn của Sở Khoa học và Công nghệ mời chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

b) Các tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này.

3. Trên cơ sở ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Chương IV**QUY ĐỊNH GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ****Điều 20.** Giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ

1. Nguyên tắc, điều kiện tham gia xét giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ

a) Nguyên tắc giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này.

b) Thông báo giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này.

c) Tổ chức, cá nhân tham gia đăng ký giao trực tiếp phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Hồ sơ đăng ký tham gia giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ

a) Hồ sơ đăng ký tham gia giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thực hiện quy định tại Điều 5 Quy định này.

b) Việc nộp hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 2 khoản 3 và khoản 4 Điều 5 Quy định này.

c) Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

3. Hội đồng tư vấn giao trực tiếp và Tổ thẩm định nhiệm vụ

a) Việc thành lập Hội đồng tư vấn giao trực tiếp và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ và Tổ chuyên gia được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

b) Việc chuẩn bị tổ chức các phiên họp của Hội đồng tư vấn giao trực tiếp và Tổ thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

c) Phương thức làm việc, trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Quy định này. Nhóm tiêu chí và thang điểm đánh giá hồ sơ giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

d) Tổ thẩm định làm việc theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Quy định này.

4. Việc phê duyệt kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

5. Việc lưu giữ, quản lý hồ sơ gốc, công khai thông tin, hủy kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Quy định này.

Điều 21. Giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ chứa bí mật Nhà nước

1. Điều kiện, hồ sơ tham gia xét giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ:

a) Tổ chức tham gia xét giao trực tiếp phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 4 Quy định này và các yêu cầu sau:

- Cam kết bảo vệ bí mật Nhà nước theo Biểu B1-9-CKTCCT tại Phụ lục I, Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

- Chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Quy định này và các bản sao phục vụ các phiên họp Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

b) Cá nhân được giao chủ nhiệm nhiệm vụ chứa bí mật Nhà nước phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 4 Quy định này và các yêu cầu sau:

- Là người chỉ có một quốc tịch Việt Nam.

- Cam kết bảo vệ bí mật Nhà nước theo Biểu B1-7-CKCN tại Phụ lục I, Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

c) Cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ chứa bí mật Nhà nước phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Đối với cá nhân là người Việt Nam phải cam kết bảo vệ bí mật Nhà nước theo Biểu B1-8-CKTVNV tại Phụ lục I, Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

- Đối với cá nhân là người nước ngoài, ngoài việc cam kết bảo vệ bí mật Nhà nước theo Biểu B1-7-CKCN tại Phụ lục I, Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

d) Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản đến tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ trong 30 ngày để chuẩn bị hồ sơ đăng ký.

đ) Hồ sơ xét giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ chứa bí mật Nhà nước phải được chuẩn bị theo quy định tại Điều 5 Quy định này và có đầy đủ cam kết bảo vệ bí mật Nhà nước theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

2. Nộp hồ sơ và mở hồ sơ nhiệm vụ

a) Hồ sơ được nộp trực tiếp theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a, khoản 3 và khoản 4 Điều 5 Quy định này.

b) Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 5 Điều 6 Quy định này.

3. Quy định bảo vệ bí mật Nhà nước đối với hoạt động của Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định, Tổ kiểm tra, chuyên gia tư vấn độc lập

a) Chuyên gia tham gia các Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định, Tổ kiểm tra và chuyên gia tư vấn độc lập phải đáp ứng đầy đủ tiêu chí theo các quy định hiện hành và thực hiện yêu cầu sau:

- Cam kết bảo vệ bí mật Nhà nước theo Biểu B1-7-CKCN tại Phụ lục I, Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

- Ký nhận tài liệu phục vụ các phiên họp liên quan và tự bảo quản tài liệu theo quy định của pháp luật bảo vệ bí mật Nhà nước và các quy định tại Quy định này. Khi kết thúc nhiệm vụ tư vấn, thẩm định, có trách nhiệm bàn giao lại tài liệu theo quy định hiện hành.

b) Các thành viên Ban chủ nhiệm khi tiếp cận tài liệu liên quan đến nhiệm vụ chứa bí mật Nhà nước phải cam kết bảo vệ bí mật Nhà nước, tự bảo quản tài liệu và bàn giao lại theo quy định hiện hành.

4. Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định nhiệm vụ

a) Trình tự thành lập Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

b) Chuẩn bị tổ chức các phiên họp của Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 8 Quy định này.

c) Hội đồng tư vấn làm việc theo phương thức họp trực tiếp và theo quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước. Nguyên tắc làm việc, trách nhiệm, trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9 và Điều 10 Quy định này. Nhóm tiêu chí và thang điểm đánh giá hồ sơ

giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy định này. Việc gửi, lưu giữ các phiếu nhận xét, phiếu đánh giá và các tài liệu phục vụ phiên họp Hội đồng tư vấn được thực hiện theo quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước.

d) Tổ thẩm định làm việc theo phương thức họp trực tiếp và thực hiện theo các quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước hiện hành. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm, trình tự và nội dung làm việc của Tổ thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Quy định này. Việc gửi, lưu giữ các tài liệu phục vụ phiên họp Tổ thẩm định được thực hiện theo quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước.

5. Phê duyệt kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ

Trình tự phê duyệt kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ chứa bí mật Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

6. Lưu giữ, quản lý hồ sơ gốc và hủy kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ

a) Lưu giữ, quản lý hồ sơ gốc thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

b) Hủy kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy định này.

Chương V

QUY ĐỊNH CHUYỂN TIẾP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Quy định chuyển tiếp

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng thông báo tuyển chọn hoặc đã có công văn gửi tổ chức, cá nhân được chỉ định chuẩn bị hồ sơ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo phương thức giao trực tiếp trước ngày Quy định này có hiệu lực, thực hiện theo quy định tại Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách Nhà nước.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố có thể vận dụng Quy định này để tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi và thẩm quyền quản lý.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, nghiên cứu, đề nghị sửa đổi, bổ sung./.

Phụ lục I**BIỂU MẪU ÁP DỤNG CHO VIỆC ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH***(Kèm theo Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh)*

TT	Tên biểu mẫu	Nội dung biểu mẫu
1	B2-1-BBHS: Biên bản mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn/ giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	 B2-1-BBHS_ed 01.docx
2	B2-2a-NXĐTCN: Phiếu nhận xét hồ sơ đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp tỉnh	 B2-2a-NXĐTCN_ed 01.docx
3	B2-2b-NXĐTXH/NXĐA: Phiếu nhận xét hồ sơ đề tài khoa học xã hội và nhân văn hoặc đề án khoa học cấp tỉnh	 B2-2b-NXĐTXH_ed 01.docx
4	B2-2c-NXDA: Phiếu nhận xét hồ sơ dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh	 B2-2c-NXDA_ed 01.docx
5	B2-3a-ĐGĐTCN: Phiếu đánh giá hồ sơ đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp tỉnh	 B2-3a-ĐGĐTCN_ed 01.docx
6	B2-3b-ĐGĐTXH/ĐGĐA: Phiếu đánh giá hồ sơ đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn hoặc đề án khoa học cấp tỉnh	 B2-3b - ĐGĐTXH_ed 01.docx
7	B2-3c-ĐGDA: Phiếu đánh giá hồ sơ dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh	 B2-3c-ĐGDA_ed 01.docx
8	B2-4-KPDG: Biên bản kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	 B2-4-KPDG_ed 01.docx
9	B2-5-THKP: Bảng tổng hợp kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	 B2-5-THKP_ed 01.docx
10	B2-6-BBHĐ: Biên bản họp Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	 B2-6-BBHĐ_ed 01.docx
11	B2-7-GUQ: Giấy ủy quyền	 B2-7-GUQ_ed 01.docx

TT	Tên biểu mẫu	Nội dung biểu mẫu
12	B2-8-GTHĐ: Báo cáo giải trình ý kiến Hội đồng tư vấn của Tổ chức chủ trì nhiệm vụ	 B2-8-GTHĐ.docx
13	B2-9-BBKQKT: Biên bản ghi nhận kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ (nếu có)	 B2-9-BBKQKT.docx
14	B2-10-CHHĐTV: Phiếu ghi câu hỏi của thành viên Hội đồng tư vấn	 B2-10-CHHĐTV.docx

Phụ lục II
BIỂU MẪU ÁP DỤNG CHO VIỆC THẨM ĐỊNH KINH PHÍ
(Kèm theo Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh)

TT	Tên biểu mẫu	Nội dung biểu mẫu
1	B3-1a-BBTĐĐT/ĐA: Biên bản họp thẩm định kinh phí đề tài/đề án khoa học cấp tỉnh	 B3-1a-BBTĐĐT-ĐA.docx
2	B3-1b-BBTĐDA: Biên bản họp thẩm định kinh phí dự án cấp tỉnh	 B3-1b-BBTĐDA.docx
3	B3-2a-PLBBTĐĐT/ĐA: Phụ lục thẩm định kinh phí đề tài/đề án cấp tỉnh	 B3-2a-PLBBTĐĐT-ĐA.docx
4	B3-2b-PLBBTĐDA: Phụ lục thẩm định kinh phí dự án cấp tỉnh	 B3-2b-PLBBTĐDA.docx
5	B3-3-GTTĐKP: Báo cáo giải trình ý kiến Tổ thẩm định kinh phí của Tổ chức chủ trì nhiệm vụ	 B3-3-GTTĐKP.docx

UBND TỈNH SƠN LA
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Biểu B2-1-BBHS
...../2024/QĐ-UBND
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:
2. Địa điểm và thời gian:....., ngày/..... /20...
3. Đại diện các cơ quan và tổ chức liên quan tham gia mở hồ sơ:

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Họ và tên đại biểu

4. Tình trạng của các hồ sơ
- Tổng số hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ KH&CN: hồ sơ.
 - Số hồ sơ được niêm phong kín đến thời điểm mở hồ sơ: .../... (tổng số hồ sơ đăng ký).
 - Tình trạng của các hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp được thể hiện trong bảng sau:

STT	Tên tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn/ giao trực tiếp	Tình trạng Hồ sơ		
		Nộp đúng hạn ¹	Tính đầy đủ của Hồ sơ đăng ký ²	Tổ chức có con dấu, tài khoản
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

¹ Những Hồ sơ nộp quá hạn sẽ được thống kê vào biểu này nhưng không mở;
² Hồ sơ gồm đầy đủ các loại tài liệu được quy định tại Điều 4 của Quy định.

5. Tình trạng hồ sơ sau khi rà soát

Tình trạng của các hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp sau khi rà soát được thể hiện trong bảng sau:

STT	Tên tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn/ giao trực tiếp	Tình trạng Hồ sơ				
		Có nhiệm vụ cấp tỉnh ³				
		Đang chủ trì nhiệm vụ (chưa nghịệm thu) ⁴	Nợ thu hồi nhiệm vụ KH&CN ⁵	Bị đình chỉ do sai phạm	Nộp hồ sơ đánh giá nghịệm thu muộn	Không đăng ký, nộp lưu giữ kết quả thực hiện theo quy định
(1)	(2)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Kết luận: Như vậy, trong sốhồ sơ đăng ký, có hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện để đưa vào xem xét đánh giá, cụ thể như sau:

TT	Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)
1		
2		

Các bên thống nhất và ký vào biên bản mở hồ sơ vàoh.....phút, ngày
...../...../20.....

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CHUYÊN MÔN
(Họ, tên và chữ ký)

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ KINH PHÍ
(Họ, tên và chữ ký)

³ Tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;

⁴ Nhiệm vụ cấp tỉnh gồm: đề tài, đề án, dự án SXTN.

⁵ Tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ.

Biểu B2-2a-NXĐTCN
...../2024/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên Hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:.....

1. Tên đề tài:.....

2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:

- Tên tổ chức:.....

- Họ và tên cá nhân:.....

3. Nhận xét theo nhóm tiêu chí đánh giá:

3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

- Tính khoa học và thực tiễn trong việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu.

- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước (mức độ phân tích và cập nhật đầy đủ)

- Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:

.....
.....
.....
.....
.....

3.2. Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng

- Các nội dung nghiên cứu và bố trí nhân lực thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng.

- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra

- Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu

- Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:

.....

.....

.....

.....

.....

3.3. Sản phẩm khoa học và công nghệ

- Đầy đủ và đáp ứng yêu cầu đặt hàng (định lượng và định tính)

- Đào tạo sau đại học

- Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:

.....

.....

.....

.....

.....

3.4. Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống

- Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra.

- Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu cho cơ quan đề xuất đặt hàng, cơ quan/tổ chức ứng dụng.

- Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:

.....

.....

.....

.....

.....

3.5. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện

- Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp, hợp tác quốc tế, thuê chuyên gia, tiến độ thực hiện và phương án trang bị, quản lý, xử lý tài sản.

- Dự toán phù hợp với nội dung công việc, sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài và tổng mức kinh phí.

- Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:

3.6. Năng lực tổ chức và cá nhân tham gia

- Tổ chức chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nhân lực và cơ sở trang thiết bị).

- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính.

- Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:

.....
.....
.....
.....
.....

Nhận xét, kiến nghị:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ngày tháng năm 20....
(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

Biểu B2-2b-NXĐTXH/NXĐA
...../2024/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ
ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
HOẶC ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP TỈNH

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên Hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:.....

1. Tên đề tài:.....

2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:

- Tên tổ chức:.....

- Họ và tên cá nhân:.....

3. Nhận xét theo nhóm tiêu chí đánh giá:

3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

- Tính đầy đủ và cập nhật tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước.

- Tính khoa học và thực tiễn việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu.

- Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:

.....
.....
.....

3.2. Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu

- Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu

- Tính hợp lý, khả thi của các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu

- Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:

.....
.....
.....

3.3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

- Cách tiếp cận đề tài với đối tượng nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng phù hợp với đối tượng nghiên cứu

- Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:

.....
.....
.....
.....
.....

3.4. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện

- Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước, thuê chuyên gia, tiến độ thực hiện và phương án thiết bị

- Dự toán phù hợp với nội dung, sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài/đề án và tổng mức kinh phí.

- Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:

.....
.....
.....
.....
.....

3.5. Tính mới của sản phẩm, lợi ích kết quả của đề tài/đề án và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu

- Sản phẩm của đề tài/đề án đáp ứng theo yêu cầu đặt hàng

- Hiệu quả khoa học, thực tiễn (Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân, bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học)

- Phương án ứng dụng và chuyển giao cho cơ quan đề xuất đặt hàng, cơ quan (tổ chức) ứng dụng

- Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:

.....
.....
.....
.....
.....

3.6. Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức và cá nhân tham gia

- Tổ chức chủ trì đề tài/đề án và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài/đề án.

- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính.

- Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:

.....

.....

.....

.....

.....

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày tháng năm 20....
(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

Biểu B2-2c-NXDA
...../2024/QĐ-UBND**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ**
DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP TỈNH

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên Hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:.....

1. Tên đề tài:.....

2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:

- Tên tổ chức:.....

- Họ và tên cá nhân:.....

3. Nhận xét theo nhóm tiêu chí đánh giá:

3.1. Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án

- Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án.

- Khả năng triển khai và hoàn thiện công nghệ, khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh sản xuất của dự án.

- Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:

.....
.....
.....
.....

- Mức độ hợp lý của các vấn đề công nghệ mà dự án đề xuất cần giải quyết để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng.

- Tính hợp lý các nội dung cần triển khai thực hiện.

- Tính khả thi của phương án thực hiện.

- Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:

.....
.....
.....

3.3. Tính mới và tính khả thi của công nghệ

- Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước.
- Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án; Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.
- *Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:*

.....
.....
.....
.....
.....

3.4. Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội dự kiến của dự án

- Làm rõ các thông số của sản phẩm và công nghệ
- Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án.
- Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng, hiệu quả kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng
- *Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:*

.....
.....
.....
.....
.....

3.5. Sản phẩm khoa học và công nghệ

- *Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:*

.....
.....
.....
.....
.....

3.6. Phương án tài chính

- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện..
- Sự phù hợp của tổng dự toán và dự toán chi tiết.
- *Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:*

.....
.....
.....

3.7. Năng lực thực hiện

- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ nhiệm dự án và các thành viên thực hiện chính.
- Điều kiện và năng lực của tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp chính.
- Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 7:

.....
.....
.....
.....
.....

Nhận xét, kiến nghị:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ngày tháng năm 20....
(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

Biểu B2-3a-DGĐTCN

...../2024/QĐ-UBND

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

3. Đánh giá

Nhóm tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm
3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	12	
- Tính khoa học và thực tiễn trong việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu	8	
- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước (mức độ phân tích và cập nhật đầy đủ)	4	
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:		
3.2. Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng	24	
- Các nội dung nghiên cứu và bố trí nhân lực thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng	12	
- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra	8	
- Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu	4	

Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:		
3.3. Sản phẩm khoa học và công nghệ	16	
- Đầy đủ và đáp ứng yêu cầu đặt hàng (định lượng và định tính)	12	
- Khả thi về đào tạo sau đại học	4	
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:		
3.4. Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống	16	
- Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra	4	
- Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu cho cơ quan đề xuất đặt hàng (tên, địa chỉ).	12	
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:		
3.5. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện	16	
- Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp, hợp tác quốc tế, thuê chuyên gia, tiến độ thực hiện và trang bị, quản lý, xử lý tài sản.	8	
- Dự toán phù hợp với nội dung, sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài và tổng mức kinh phí.	8	
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:		

3.6. Năng lực tổ chức và cá nhân tham gia	16	
- Tổ chức chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nhân lực và cơ sở trang thiết bị).	8	
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính.	8	
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:		
Ý kiến đánh giá tổng hợp	100	

3.7. Đánh giá về nhân lực thực hiện đề tài

- ☐ Nhân lực thực hiện đề tài do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **hợp lý**.
- ☐ Nhân lực thực hiện đề tài do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không hợp lý**.

3.8. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của đề tài

- ☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.
- ☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

- ☐ 1. Đề nghị thực hiện:
- 1.1. Khoản chi đến sản phẩm cuối cùng ☐ 1.2. Khoản từng phần ☐
- ☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
- ☐ 3. Không thực hiện (Không thuộc 2 trường hợp trên).

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại điểm a khoản 8 Điều 10 của Quyết định số/2024/QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La)

Nhận xét, kiến nghị:

.....
.....

Ngày tháng năm 20....
(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

Biểu B2-3b-ĐGD TXH/ĐGD A
...../2024/QĐ-UBND

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ
ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
HOẶC ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP TỈNH**

1. Tên đề tài/đề án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
Tên tổ chức:	
Họ và tên cá nhân:	

3. Đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm
3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	12	
- Tính đầy đủ và cập nhật tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước.	4	
- Tính khoa học và thực tiễn việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu.	8	
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:		
3.2. Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu	12	
- Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu	8	
- Tính hợp lý, khả thi của các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu	4	
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:		

3.3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	12	
- Cách tiếp cận đề tài/đề án với đối tượng nghiên cứu	4	
- Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng phù hợp với đối tượng nghiên cứu	8	
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:		
3.4. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện	20	
- Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước và kế hoạch thực hiện	8	
- Dự toán phù hợp với nội dung, sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài/đề án và tổng mức kinh phí.	12	
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:		
3.5. Tính mới của sản phẩm, lợi ích kết quả của đề tài/đề án và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu	24	
- Sản phẩm của đề tài/đề án đáp ứng theo yêu cầu đặt hàng	8	
- Hiệu quả khoa học, thực tiễn (Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân, bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học)	8	
- Phương án ứng dụng và chuyển giao cho cơ quan đề xuất đặt hàng, cơ quan tổ chức/ứng dụng	8	
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:		
3.6. Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức và cá nhân tham gia	20	
- Tổ chức chủ trì đề tài/đề án và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài/đề án.	8	
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính.	12	

Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:		
Ý kiến đánh giá tổng hợp	100	

3.7. Đánh giá về nhân lực thực hiện đề tài

- ☐ Nhân lực thực hiện đề tài do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **hợp lý**.
- ☐ Nhân lực thực hiện đề tài do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không hợp lý**.

3.8. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của đề tài

- ☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.
- ☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

- ☐ 1. Đề nghị thực hiện:
1.1. Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐ 1.2. Khoán từng phần ☐
- ☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
- ☐ 3. Không thực hiện (Không thuộc 2 trường hợp trên).

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại điểm a khoản 8 Điều 10 của Quyết định số/2024/QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La)

Nhận xét, kiến nghị:

.....
.....
.....

Ngày tháng năm 20....
(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

Biểu B2-3c-DGDA

...../2024/QĐ-UBND

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ
DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP TỈNH**

1. Tên dự án:		
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì		
Tên tổ chức:		
Họ và tên cá nhân:		
3. Đánh giá		
Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm
3.1. Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án	8	
- Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án.	4	
- Khả năng triển khai và hoàn thiện công nghệ, khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh sản xuất của dự án.	4	
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:		
3.2. Nội dung và phương án triển khai	20	
- Mức độ hợp lý của các vấn đề công nghệ mà dự án đề xuất cần giải quyết để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng.	4	
- Tính hợp lý các nội dung cần triển khai thực hiện.	8	
- Tính khả thi của phương án thực hiện.	8	
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:		

3.3. Tính mới và tính khả thi của công nghệ	12	
- Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước.	4	
- Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án; Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.	8	
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:		
3.4. Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội dự kiến của dự án	12	
- Làm rõ các thông số của sản phẩm và công nghệ	4	
- Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án.	4	
- Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng, hiệu quả kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng	4	
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:		
3.5. Sản phẩm khoa học và công nghệ	16	
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:		
3.6. Phương án tài chính	16	
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.	8	
- Sự phù hợp của tổng dự toán và dự toán chi tiết.	8	
Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:		
3.7. Năng lực thực hiện	16	
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ nhiệm dự án và các thành viên thực hiện chính.	8	
- Điều kiện và năng lực của tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	8	

Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 7:		
Ý kiến đánh giá tổng hợp	100	

3.8. Đánh giá về nhân lực thực hiện đề tài

- ☐ Nhân lực thực hiện đề tài do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **hợp lý**.
- ☐ Nhân lực thực hiện đề tài do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không hợp lý**.

3.9. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của đề tài

- ☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.
- ☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của đề tài.

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

- ☐ 1. Đề nghị thực hiện:
- 1.1. Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐ 1.2. Khoán từng phần ☐
- ☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
- ☐ 3. Không thực hiện (Không thuộc 2 trường hợp trên).

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại điểm a khoản 8 Điều 10 của Quyết định số/2024/QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La)

Nhận xét, kiến nghị:

.....
.....
.....

Ngày tháng năm 20....
(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

Biểu B2-4-KPDG
...../2024/QĐ-UBND
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
....., ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

Tên nhiệm vụ:	
Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
Tên tổ chức:	
Họ và tên cá nhân:	

1. Số phiếu phát ra:	☐	2. Số phiếu thu về:	☐
3. Số phiếu hợp lệ:	☐	4. Số phiếu không hợp lệ:	☐

TT	Ủy viên	Tổng số điểm
1	Ủy viên thứ nhất	
2	Ủy viên thứ hai	
3	Ủy viên thứ ba	
4		
5		
6		
7		
8		
9		
	Tổng số điểm trung bình	

TT	Ủy viên	Nhân lực thực hiện nhiệm vụ		Phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ	
		Hợp lý	Không hợp lý	Phù hợp	Không phù hợp
1	Ủy viên thứ nhất				
2	Ủy viên thứ hai				
3	Ủy viên thứ ba				
4					
5					
6					
7					
8					
9					

Các thành viên ban kiểm phiếu
Thành viên thứ 1
(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên thứ 2
(Họ, tên và chữ ký)

Trưởng ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

Biểu B2-5-THKP
...../2024/QĐ-UBND
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

Tên nhiệm vụ:

.....
.....

TT	Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì	Tổng điểm trung bình của các thành viên hội đồng	Phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ (số phiếu phù hợp/ số phiếu không phù hợp)	Nhân lực thực hiện nhiệm vụ (số phiếu hợp lý/số phiếu không hợp lý)
1	Tên tổ chức: Họ và tên cá nhân:		/..... (trong đó có ủy viên phản biện đánh giá phù hợp)	/..... (trong đó có ủy viên phản biện đánh giá hợp lý)

Các thành viên ban kiểm phiếu
Thành viên thứ 1
(Họ, tên và chữ ký)
Thành viên thứ 2
(Họ, tên và chữ ký)

Trưởng ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký)

Biểu B2-6-BBHD

...../2024/QĐ-UBND

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

A. Thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:

2. Quyết định thành lập Hội đồng

Số...../QĐ-SKH&CN... ngày/...../20... của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

3. Địa điểm và thời gian:....., ngày/...../20...

4. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên/.....người.
Vắng mặt người, gồm các thành viên:

.....

.....

5. Đại biểu tham dự họp hội đồng:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác

6. Hội đồng nhất trí cử Ông/Bà là thư ký khoa học của hội đồng.

B. Nội dung làm việc của hội đồng (ghi chép của thư ký khoa học):

.....

.....

.....

(chi tiết ý kiến của các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự trong tài liệu kèm theo)

C. Bỏ phiếu đánh giá

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban:

- Hai thành viên:

.....

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá từng hồ sơ đăng ký.

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN trong biên bản kiểm phiếu và bảng tổng hợp kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu

Căn cứ kết quả kiểm phiếu và quy định tại điểm a khoản 8 Điều 10 của Quyết định số .../2024/QĐ-UBND ngày...tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La, Hội đồng kiến nghị tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển chủ trì đề tài/dự án SXTN/đề án nêu trên:

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

D. Kết luận, kiến nghị của hội đồng

1. Phương thức khoán chi:

1.1 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐

1.2 Khoán chi từng phần ☐

2. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

3. Kiến nghị những nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi:

.....

.....

4. Các kiến nghị khác (nếu có):

.....

.....

THƯ KÝ
(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Biểu B2-7-GUQ
...../2024/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Quyết định số/QĐ-SKHCN..... ngày ... tháng ... năm 20... của
Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về việc thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ
.....

....., ngày tháng năm, chúng tôi gồm có:

I. Bên ủy quyền:

1. Họ và tên:Số điện thoại:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:
4. Đơn vị công tác:.....
5. Địa chỉ:.....
6. Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:.....Nơi cấp :..... Ngày cấp :.....

II. Bên được ủy quyền:

1. Họ và tên:Số điện thoại:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:
4. Đơn vị công tác:.....
5. Địa chỉ:.....
6. Số định danh cá nhân/Hộ chiếu :.....Nơi cấp :..... Ngày cấp :.....

III. Nội dung ủy quyền:

Ủy quyền cho Ông/Bà:..... là Phó Chủ tịch Hội đồng
KH&CN chủ trì phiên họp Hội đồng KH&CN để tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp nhiệm
vụ khoa học và công nghệ:

.....
.....

IV. Cam kết: Tôi cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi
thông tin ủy quyền ở trên./.

Bên ủy quyền
(Chữ ký, họ tên)

Bên nhận ủy quyền
(Chữ ký, họ tên)

Biểu B2-8-GTHĐ
...../2024/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 20... về việc phê duyệt danh mục đặt hàng đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh đối với đề tài: “.....”.

Căn cứ Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày.....tháng.....năm 20... về việc thành lập Hội đồng KH&CN cấp tỉnh tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ và Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ ngày.....thángnăm 20...;

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ xin báo cáo việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng, khách mời tham dự và những nội dung chỉnh sửa bổ sung khác⁶ (nếu có) như sau:

TT	Ý kiến của Hội đồng và Đại biểu	Giải trình, tiếp thu của tổ chức chủ trì	Ghi chú
1	Ý kiến 1		
2	Ý kiến 2		
...			

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Ký và ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
(Họ tên, chức danh, ký và đóng dấu)

⁶ Trong trường hợp chỉnh sửa, bổ sung ngoài ý kiến của hội đồng và đại biểu thì giải trình.

Biểu B2-9-BBKQKT
...../2024/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN

**Ghi nhận kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực
và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và tổ chức
đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ**

Thực hiện Quyết định số/QĐ-SKHCN ngày/...../20... của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ngày .../.../20..., Tổ kiểm tra đã tiến hành thanh tra thực tế tại Tổ chức chủ trì/tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ⁷.

Hôm nay, hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Tại⁸:

- Tổ kiểm tra gồm:

1. :.....;
2. :
3. :.....;
4. :.....;
5.;
6. :.....;

.....
- Đã làm việc với Tổ chức chủ trì/tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ là đối tượng được kiểm tra và đại diện Tổ chức chủ trì/tổ chức phối hợp gồm:

1.;
2.;

.....
- Đại diện cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan: (nếu có)

.....;
.....;

Đề thông qua Biên bản ghi nhận kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ (nếu có) như sau:

⁷ Ghi rõ tên tổ chức chủ trì/tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ

⁸ Ghi rõ địa chỉ

I. Kết quả kiểm tra

(Ghi đánh giá, ghi nhận kết quả chi tiết theo từng hạng mục của hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp)

.....

II. Nhận xét

.....

III. Kiến nghị

.....

IV. Ý kiến của Tổ chức chủ trì/tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ

.....

Biên bản ghi nhận kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính kết thúc hồi.....giờ.....cùng ngày, được lập thành bản có giá trị như nhau (mỗi bên liên quan giữ một bản) và đã được đọc cho mọi người có tên trên cùng nghe, công nhận đúng và đại diện các bên ký tên dưới đây.

Thư ký Tổ kiểm tra

(Họ tên, chức danh, ký và đóng dấu)

Tổ trưởng Tổ kiểm tra

(Họ tên, chức danh, ký và đóng dấu)

Biểu B2-10-CHHĐTV
...../2024/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

PHIẾU ĐẶT CÂU HỎI ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CN

Thực hiện Quyết định số/QĐ-SKH&CN ngày/...../20... của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về việc thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 20...., tôi có một số câu hỏi đối với nhiệm vụ như sau:

Câu hỏi 1:.....

Câu hỏi 2:.....

Câu hỏi n:.....

Thành viên Hội đồng tư vấn
(Họ tên, chức danh trong Hội đồng, chữ ký)

Biểu B3-1a-BBTĐĐT/ĐA
...../2024/QĐ-UBNDỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do- Hạnh phúc**BIÊN BẢN HỌP THẨM ĐỊNH KINH PHÍ
ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN KH&CN CẤP TỈNH****A. Thông tin chung****1. Tên đề tài/đề án:**.....
.....

Mã số(nếu có)

Thuộc: - Chương trình cấp Quốc gia: ☐
- Dự án KH&CN: ☐
- Độc lập ☐
- Khác: ☐
☐**2. Tổ chức chủ trì:****3. Chủ nhiệm đề tài/đề án:****4. Địa điểm và thời gian họp Tổ thẩm định:**

- Địa điểm:.....

- Thời gian:.....giờ, ngày.....tháng.....năm.....

5. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên:/.....

Vắng mặt: người; Họ và tên:

6. Đại biểu tham dự:.....**B. Kết luận của Tổ thẩm định****1. Về dự toán kinh phí:****2. Về thời gian thực hiện nhiệm vụ:.....****3. Về tổng kinh phí cần thiết: triệu đồng**

Trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước: triệu đồng

- Kinh phí từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước: triệu đồng

4. Dự kiến kinh phí theo các khoản chi:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Ngân sách nhà nước		Kinh phí ngoài ngân sách nhà nước	Ghi chú
			Kinh phí	Kinh phí hoán chỉ theo quy định		
1	Thù lao thực hiện nhiệm vụ					
2	nước, nước ngoàiKinh phí thuê chuyên gia trong					
3	Nguyên vật liệu, năng lượng					
4	Thiết bị, máy móc					
5	Xây dựng, sửa chữa nhỏ					
6	Chi khác: <i>Trong đó: chi đoàn ra</i>					
	Tổng cộng					

C. Kiến nghị:**1. Phương thức thực hiện:**☐

Khoán đến sản phẩm cuối cùng (trong đó kinh phí thuê chuyên gia:).

☐

Khoán từng phần, trong đó:

- Kinh phí ngân sách nhà nước khoán: triệu đồng (trong đó kinh phí thuê chuyên gia:);

- Kinh phí ngân sách nhà nước không khoán:triệu đồng.

2. Các kiến nghị khác (nếu có):.....
.....

Biên bản được lập xong lúcgiờ, ngàytháng.....năm..... và đã được Tổ thẩm định nhất trí thông qua.

Tổ trưởng**Tổ phó****Thành viên****Thành viên****Thư ký**

Biểu B3-1b-BBTĐDA
...../2024/QĐ-UBNDỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ Độc lập Tự do- Hạnh phúc**BIÊN BẢN HỌP THẨM ĐỊNH KINH PHÍ
DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP TỈNH****A. Thông tin chung**

1. Tên dự án SXTN:

Mã số(nếu có)

Thuộc: - Chương trình cấp Quốc gia: ☐- Dự án KH&CN: ☐- Độc lập ☐- Khác: ☐

2. Tổ chức chủ trì:

3. Chủ nhiệm dự án SXTN:

4. Địa điểm và thời gian họp Tổ thẩm định:

- Địa điểm:.....

- Thời gian:.....giờ, ngày.....tháng.....năm.....

5. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên:/.....

Vắng mặt: người; Họ và tên:

6. Đại biểu tham dự:

.....
.....
.....**B. Kết luận của Tổ thẩm định**

1. Năng lực tài chính của tổ chức chủ trì:

1.1. Nợ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN =
cấp tỉnh:Có: ☐Không: ☐1.2. Đủ năng lực tài chính để đối ứng thực hiện: ☐1.3. Không đủ năng lực tài chính để đối ứng thực hiện: ☐

2. Nhận xét về dự toán kinh phí:

2.1. Ý kiến nhận xét của các thành viên Tổ thẩm định (*ghi chi tiết ý kiến từng thành viên*):

.....

.....

2.2. Về tổng kinh phí cần thiết: triệu đồng

Trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước: triệu đồng

- Kinh phí từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước: triệu đồng

2.3. Về thời gian thực hiện nhiệm vụ

2.4. Dự kiến kinh phí theo các khoản chi:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Ngân sách nhà nước		Kinh phí ngoài ngân sách nhà nước	Ghi chú
			Kinh phí	Kinh phí khoán chi theo quy định		
1	Thiết bị, máy móc					
2	Nhà xưởng					
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ					
a	Thù lao thực hiện nhiệm vụ					
b	Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài					
4	Chi phí đào tạo công nghệ					
5	Chi phí lao động					
6	Nguyên vật liệu, năng lượng					
7	Chi khác					
	Tổng cộng					

C. Kiến nghị:

1. Phương thức khoán:

☐ Khoán đến sản phẩm cuối cùng (*trong đó kinh phí thuê chuyên gia:*).

☐ Khoán từng phần, trong đó:

- Kinh phí ngân sách nhà nước khoán: triệu đồng (*trong đó kinh phí thuê chuyên gia:*);

- Kinh phí ngân sách nhà nước không khoán: triệu đồng.

2. Các kiến nghị khác (nếu có):

.....
.....

Biên bản được lập xong lúc.....giờ, ngàytháng.....năm..... và đã được Tổ thẩm định nhất trí thông qua.

Tổ trưởng

Tổ phó

Thành viên

Thành viên

Thư ký

Biểu B3-2b-PLBBTĐDA
...../2024/QĐ-UBND

PHỤ LỤC

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN THEO Ý KIẾN CỦA TỔ THẨM ĐỊNH (Kèm theo Biên bản họp Tổ thẩm định kinh phí)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Kinh phí theo ý kiến Tổ thẩm định			Kinh phí đề xuất trước thẩm định kinh phí	
		Ngân sách nhà nước		Ngoài ngân sách nhà nước	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
		Kinh phí	Trong đó, khoản chi			
1	Thiết bị, máy móc mua mới, thuê					
2	Nhà xưởng xây dựng mới, cải tạo, thuê					
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ					
a	Chi phí công lao động trực tiếp					
b	Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài					
4	Chi phí đào tạo công nghệ					
5	Chi phí lao động					
6	Nguyên vật liệu, năng lượng					
7	Chi khác					
	Tổng cộng					

(*) Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn

Biểu B3-3-GTTĐKP
...../2024/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 20... về việc phê duyệt danh mục đặt hàng đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh đối với đề tài: “.....”.

Căn cứ Quyết định số /QĐ-..... ngày.....tháng.....năm 20... về việc thành lập Hội đồng KH&CN cấp tỉnh tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ và Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ;

Căn cứ Biên bản họp Tổ thẩm định kinh phí ngày tháng năm 20...;

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ xin báo cáo việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Tổ thẩm định kinh phí và khách mời tham dự như sau:

TT	Ý kiến của Tổ Thẩm định và Đại biểu	Giải trình, tiếp thu của tổ chức chủ trì	Ghi chú
1	Ý kiến 1		
2	Ý kiến 2		
...			

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Ký và ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
(Họ tên, chức danh, ký và đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2024/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 29 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 10/3/2021, Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022, Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của UBND tỉnh ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh và giao nhiệm vụ mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 121TTr-STC ngày 15 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau đây:

1. Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh và giao nhiệm vụ mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3

năm 2021 của UBND tỉnh ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh và giao nhiệm vụ mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh sửa đổi Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh và giao nhiệm vụ mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng năm 2024.

2. Quy định chuyển tiếp

- Trường hợp người có thẩm quyền đã phê duyệt quyết định mua sắm trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành: Cơ quan được giao nhiệm vụ mua sắm tập trung tiếp tục thực hiện mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Trường hợp người có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết định mua sắm trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện mua sắm tài sản theo phương thức phân tán cho đến khi người có thẩm quyền ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2024/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý, sử dụng đối với chức danh người hoạt động
không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015.
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14
tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính
phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách
ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Nghị quyết số 78/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của
Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, mức phụ cấp, chế độ kiêm nhiệm của
người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức khoán kinh phí hoạt động của
Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa
bàn tỉnh Sơn La;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 381/TTr-SNV ngày 28
tháng 5 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, sử dụng đối
với chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa
bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 6 năm 2024 và thay thế Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định về tiêu chuẩn, tuyển chọn, quản lý và sử dụng đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Quốc Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý, sử dụng đối với chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND
ngày 30/5/2024 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, bầu cử, tuyển chọn, đánh giá, xếp loại, khen thưởng, xử lý kỷ luật, bãi nhiệm, miễn nhiệm và giải quyết thôi việc đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 78/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của HĐND tỉnh quy định chức danh, mức phụ cấp, chế độ kiêm nhiệm của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức khoán kinh phí hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. UBND cấp xã, cấp huyện; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Chương II TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ

Điều 3. Tiêu chuẩn của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Thực hiện theo khoản 1 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2. Ngoài tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này, các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã còn phải đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật chuyên ngành; điều lệ của tổ chức mà người hoạt động không chuyên trách là thành viên.

Điều 4. Nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Các chức danh bầu cử thực hiện nhiệm vụ theo quy định của luật, điều lệ của tổ chức mà mình là thành viên; hỗ trợ, giúp Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và trưởng các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội ở cấp xã.

2. Các chức danh còn lại thực hiện nhiệm vụ phối hợp, giúp cán bộ, công chức cấp xã thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, đảm bảo các lĩnh vực công tác của cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã đều có người đảm nhiệm, theo dõi thực hiện. Ngoài nhiệm vụ này, các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã còn phải thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Chương III BẦU CỬ, TUYỂN CHỌN

Điều 5. Nguyên tắc bầu cử, tuyển chọn

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.
2. Tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn của từng chức danh và số lượng người hoạt động không chuyên trách được giao ở cấp xã theo quy định của HĐND tỉnh.

Điều 6. Đối tượng bầu cử, tuyển chọn

1. Các chức danh bầu cử: thực hiện theo quy định của điều lệ tổ chức mà người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là thành viên, quy định của pháp luật có liên quan và quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý.
2. Các chức danh còn lại thực hiện tuyển chọn thông qua hình thức xét tuyển theo quy định tại Điều 7 Quy định này. Trường hợp có pháp luật chuyên ngành quy định thì thực hiện quy định của pháp luật chuyên ngành.
3. Những người đang đảm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi bố trí sang chức danh người hoạt động không chuyên trách khác nếu đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện thì không phải thực hiện quy trình tuyển chọn thông qua xét tuyển.

Điều 7. Xét tuyển người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh và số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định (đối với chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã phải trong diện quy hoạch Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã). UBND cấp xã xây dựng kế hoạch xét tuyển trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt.
2. Căn cứ kế hoạch được phê duyệt, UBND cấp xã thông báo công khai trên hệ thống loa công cộng, niêm yết tại trụ sở, Trang/Cổng Thông tin điện tử của UBND cấp xã (nếu có) về số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện của từng chức danh cần tuyển; thời hạn và địa điểm nhận thông tin của người đăng ký dự tuyển.
3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết thông báo xét tuyển, người dự tuyển đăng ký trực tiếp với UBND cấp xã qua công chức Văn phòng - Thống kê. Nội dung đăng ký bao gồm các thông tin: họ và tên; ngày tháng năm sinh; dân tộc; số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp; số điện thoại di động; quê quán; hộ khẩu thường trú; trình độ văn hóa; trình độ chuyên môn;

chức danh đăng ký dự tuyển. Hết thời gian đăng ký, công chức Văn phòng - Thống kê được giao nhiệm vụ có trách nhiệm tổng hợp kết quả, báo cáo UBND cấp xã.

4. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển (sau đây gọi là Hội đồng) gồm 05 hoặc 07 thành viên bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp xã. Các ủy viên bao gồm: đại diện Đảng ủy; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; 01 công chức Văn phòng - Thống kê là ủy viên kiêm thư ký; các ủy viên khác là cán bộ hoặc công chức cấp xã.

Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự tuyển hoặc của bên vợ (chồng) của người dự tuyển; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự tuyển hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật tham gia Hội đồng.

5. Hội đồng đối chiếu các thông tin của người dự tuyển với tiêu chuẩn của chức danh cần xét tuyển và thông báo những người đủ tiêu chuẩn, điều kiện, được tham gia phỏng vấn.

Hội đồng tiến hành phỏng vấn những người đủ tiêu chuẩn, điều kiện.

Nội dung phỏng vấn: Kiến thức chung, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ.

Phương pháp phỏng vấn: Hội đồng tiến hành phỏng vấn từng người. Sau khi phỏng vấn tất cả những người đủ điều kiện, tiêu chuẩn, Hội đồng thống nhất, lựa chọn người đáp ứng tốt nhất yêu cầu của vị trí chức danh cần tuyển chọn.

Chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành phỏng vấn, Hội đồng ban hành thông báo kết quả xét tuyển, báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã kết quả xét tuyển; Chủ tịch UBND cấp xã trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định công nhận chức danh và hưởng phụ cấp.

6. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận chức danh, người hoạt động không chuyên trách cấp xã hoàn thiện hồ sơ theo tiêu chuẩn chức danh, UBND cấp xã quản lý hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng tiêu chuẩn chức danh theo quy định tại Điều 3 Quy định này thì đề nghị cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định công nhận chức danh.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 8. Đánh giá, xếp loại và thẩm quyền đánh giá, xếp loại

1. Đánh giá, xếp loại

a) Các chức danh bầu cử: thực hiện theo quy định của điều lệ tổ chức mà người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là thành viên. Trường hợp luật, điều lệ tổ chức không quy định thì nội dung, hình thức, quy trình đánh giá, xếp loại áp dụng tương tự như cán bộ xã.

b) Các chức danh còn lại: nội dung, hình thức, quy trình đánh giá, xếp loại áp dụng tương tự như công chức xã.

c) Chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã: thực hiện theo pháp luật chuyên ngành về quân sự. Trường hợp theo pháp luật chuyên ngành về quân sự không quy định thì nội dung, hình thức, quy trình đánh giá, xếp loại áp dụng tương tự như công chức xã.

2. Thẩm quyền đánh giá

a) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã đánh giá, xếp loại đối với các chức danh: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và cấp phó của các tổ chức chính trị - xã hội.

b) Chủ tịch UBND cấp xã đánh giá, xếp loại đối với các chức danh người hoạt động không chuyên trách còn lại theo quy định.

Điều 9. Khen thưởng

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng, điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội.

Điều 10. Xử lý kỷ luật, bãi nhiệm, miễn nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Các chức danh bầu cử: thẩm quyền kỷ luật, việc xử lý kỷ luật, bãi nhiệm, miễn nhiệm thực hiện theo quy định của luật, điều lệ mà người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là thành viên. Trường hợp luật, điều lệ không quy định thì nội dung, hình thức, quy trình xử lý kỷ luật áp dụng tương tự như đối với cán bộ cấp xã.

2. Chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã: thực hiện theo pháp luật chuyên ngành về quân sự. Trường hợp theo pháp luật chuyên ngành về quân sự không quy định thì nội dung, hình thức, quy trình xử lý kỷ luật áp dụng tương tự như đối với công chức cấp xã.

3. Đối với các chức danh còn lại: nội dung, hình thức, quy trình xử lý kỷ luật áp dụng tương tự như đối với công chức cấp xã. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định kỷ luật đối với hình thức buộc thôi việc; các hình thức kỷ luật khác do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định.

4. Không áp dụng hình thức kỷ luật hạ bậc lương đối với tất cả các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, hướng dẫn kiểm tra các địa phương thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

b) Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thành phố bố trí, hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng nguồn kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh;

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp huyện quy định nhiệm vụ cụ thể đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, Điều 4 Quy định này để quy định cụ thể nhiệm vụ của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã cho phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của từng cấp xã.

3. Quyết định hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền việc đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định.

4. Hướng dẫn, kiểm tra UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ: xây dựng quy chế làm việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; việc thực hiện các chế độ chính sách; nhận xét, đánh giá, phân loại; khen thưởng, kỷ luật; lập và quản lý hồ sơ người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

5. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Quy định này.

Điều 13. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp huyện

1. Cho ý kiến bằng văn bản về kế hoạch tuyển chọn người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Ban hành các quyết định: công nhận, bổ nhiệm chức danh, hưởng chế độ kiêm nhiệm, thôi hưởng chế độ kiêm nhiệm, cho hưởng phụ cấp, thôi hưởng phụ cấp, kỷ luật buộc thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

2. Quyết định hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Quy định này.

Điều 14. Trách nhiệm của UBND và Chủ tịch UBND cấp xã

1. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) Xây dựng quy chế làm việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; quyết định việc bố trí kiêm nhiệm; quản lý hồ sơ; trực tiếp quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

b) Xây dựng kế hoạch; quyết định hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền để đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

c) Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Quy định này.

2. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp xã

a) Thực hiện việc tuyển chọn, bố trí công tác đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định.

b) Đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy định này.

c) Quyết định hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

d) Giải quyết hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định của pháp luật.

đ) Đánh giá, xếp loại các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Quy định này.

e) Quyết định kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trừ các chức danh hiệp thương, bầu cử và hình thức buộc thôi việc.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Quy định này.

Điều 15. Trách nhiệm của người đứng đầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã

1. Đánh giá, xếp loại các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Quy định này.

2. Phối hợp với UBND, Chủ tịch UBND cấp xã trong việc tuyển chọn, quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

3. Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, phân công nhiệm vụ đối với người hoạt động không chuyên trách thuộc tổ chức theo đúng quy định và điều lệ tổ chức.

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại khoản 1 Điều 2 đã được bầu cử hoặc tuyển chọn trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Quy định này thì trong thời hạn 05

năm kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023 phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định. Hết thời hạn này mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định thì thực hiện miễn nhiệm, giải quyết thôi việc và hưởng chế độ chính sách (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của điều lệ tổ chức mà người hoạt động không chuyên trách là thành viên./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2024/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 31 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu
“Gia đình văn hóa”, “Bản, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 129/TTr-SVHTTDL ngày 24 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Bản, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Tráng Thị Xuân

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Bản, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Kèm theo Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của UBND tỉnh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Bản, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Hộ gia đình; bản, thôn, xóm và tương đương (gọi chung là bản); tổ dân phố, tiểu khu và tương đương (gọi chung là tổ dân phố); xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Bản, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu

- Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” thực hiện theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy định này.
- Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Bản, tổ dân phố văn hóa” thực hiện theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định này.
- Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” thực hiện theo quy định tại Phụ lục III kèm theo Quy định này.

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện

1. Các sở, ban, ngành và các tổ chức - chính trị xã hội tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung có liên quan trong quá trình xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Bản, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Bản, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” tại địa phương.

a) Theo dõi, tổng hợp việc tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

b) Hướng dẫn việc áp dụng tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Bản, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” tại địa phương, cơ sở.

c) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Bản, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện công tác thống kê, tổng hợp, báo cáo theo quy định.

3. Sở Tài chính phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hàng năm của địa phương theo phân cấp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật và Luật Thi đua, khen thưởng.

4. Sở Nội vụ hàng năm lập dự toán kinh phí, theo dõi, thực hiện xét tặng khen thưởng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” theo quy định của pháp luật và Luật Thi đua, khen thưởng.

5. Báo Sơn La, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tuyên truyền văn bản quy phạm pháp luật về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Bản, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên các phương tiện thông tin đại chúng để toàn thể Nhân dân được tiếp cận thông tin.

6. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

a) Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Bản, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” tại địa phương.

b) Bố trí, bảo đảm kinh phí cho công tác khen thưởng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Bản, tổ dân phố văn hóa” theo quy định của pháp luật.

c) Kiểm tra kết quả triển khai thực hiện các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Bản, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn.

d) Thực hiện công tác thống kê số liệu, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

7. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

a) Tổ chức triển khai thực hiện xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Bản, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” đảm bảo tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ theo quy định.

b) Thực hiện công tác thống kê số liệu, báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện, thành phố trước ngày 25 tháng 11 hàng năm./.

Phụ lục I
CHI TIẾT TIÊU CHUẨN DANH HIỆU GIA ĐÌNH VĂN HÓA
(Kèm theo Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của UBND tỉnh)

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
I. Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	1. Các thành viên trong gia đình chấp hành tốt chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật	- 100% các thành viên trong gia đình chấp hành các quy định của pháp luật; không bị xử lý kỷ luật tại nơi làm việc và học tập; - Không vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông như: Lấn chiếm lòng đường, hè phố, tham gia giao thông không đúng quy định...; - Không tham gia các hoạt động tuyên truyền chống Đảng, Nhà nước, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh.	Đạt
	2. Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo quy định	- Không tổ chức việc cưới, việc tang trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc; không để xảy ra các hoạt động mê tín dị đoan. Không lợi dụng việc cưới, việc tang và lễ hội để hoạt động nhằm chia rẽ đoàn kết dân tộc, gây mất đoàn kết trong cộng đồng, dòng họ và gia đình. Không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông và trật tự, an toàn công cộng. Không tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức; - Không vi phạm các quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.	Đạt
	3. Bảo đảm thực hiện an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy	Có cam kết giao ước thi đua xây dựng khu dân cư “An toàn về ANTT” và PCCC; thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương về ANTT và PCCC.	Đạt

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
II. Tích cực tham gia các phong trào thi đua lao động, sản xuất, học tập, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội của địa phương	4. Bảo đảm các quy định về độ ồn, không làm ảnh hưởng đến cộng đồng theo quy định của pháp luật về môi trường	Không có hoạt động sử dụng âm thanh quá quy định gây bức xúc trong Nhân dân và bị phản ánh nằm trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau.	Đạt
	1. Tham gia các hoạt động nhằm bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên và môi trường của địa phương	Các thành viên gia đình tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tại địa phương; bảo vệ các di tích quốc gia đặc biệt; các di tích cách mạng - kháng chiến, di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh, khảo cổ... của địa phương.	Đạt
	2. Tham gia các phong trào từ thiện, nhân đạo; đền ơn đáp nghĩa; khuyến học khuyến tài và xây dựng gia đình học tập	- Tích cực tham gia đầy đủ các phong trào do bản, tổ dân phố phát động như: các phong trào từ thiện, nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, khuyến học khuyến tài...; - Tham gia các Mô hình “Xây dựng Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập” tại địa phương.	Đạt
	3. Tham gia sinh hoạt cộng đồng ở nơi cư trú	- Các thành viên trong gia đình thực hiện tốt hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; - Tích cực tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao; hội họp, đại đoàn kết toàn dân tộc tại nơi cư trú; - Các thành viên trong gia đình có nếp sống lành mạnh, văn minh, ứng xử có văn hóa trong gia đình, cộng đồng và xã hội.	Đạt
	4. Tích cực tham gia các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa phương tổ chức	- Thường xuyên tuyên truyền, vận động gia đình, người thân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sinh thái; tham gia trồng, chăm sóc cây xanh, đường hoa, cây cảnh xung quanh nhà và nơi cư trú;	Đạt

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
		- Các thành viên trong gia đình tham gia bảo hiểm y tế và được chăm sóc sức khỏe; - Tích cực tham gia các phong trào thi đua: chung sức, chung lòng xây dựng nông thôn mới; sản xuất, kinh doanh giỏi; “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo” ...; - Gia đình có phương tiện nghe, nhìn và thường xuyên được tiếp cận thông tin kinh tế, văn hóa - xã hội; - Nhà ở ngăn nắp, sạch sẽ; khuôn viên nhà ở xanh, sạch, đẹp; cải tạo vườn tạp, không bỏ hoang đất sản xuất.	
	5. Người trong độ tuổi có khả năng lao động tích cực làm việc và có thu nhập chính đáng	Có ít nhất 80% thành viên trong gia đình trong độ tuổi lao động có khả năng lao động có việc làm và thu nhập ổn định.	Đạt
	6. Trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường	100% trẻ em trong gia đình ở độ tuổi đi học được đến trường; đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở trở lên.	Đạt
	1. Thực hiện tốt Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình	- Có đăng ký thực hiện Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình; - Ông, bà, cha, mẹ và các thành viên trong gia đình được quan tâm, chăm sóc, phụng dưỡng.	Đạt
III. Gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; thường xuyên gắn bó, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ trong cộng đồng	2. Thực hiện tốt chính sách dân số, hôn nhân và gia đình	- Thực hiện hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, bình đẳng, hòa thuận, thủy chung; - Không vi phạm các chuẩn mực đạo đức, các giá trị văn hóa truyền thống và các hủ tục như tảo hôn, hôn nhân cận huyết; - Tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động về công tác dân số, thực hiện nuôi dạy con tốt; tuyên truyền, vận động giáo dục chuyển đổi hành vi, nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh.	Đạt

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
	3. Thực hiện tốt các mục tiêu về bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình/bạo lực trên cơ sở giới	- Thực hiện tốt các quy định trong Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; - Không có bạo lực gia đình dưới mọi hình thức; vợ chồng bình đẳng, thương yêu giúp đỡ nhau tiến bộ, cùng có trách nhiệm nuôi con khỏe, dạy con ngoan; - Các thành viên trong gia đình được tôn trọng, thực hiện quyền và nghĩa vụ như nhau; không phân biệt đối xử về giới, có cơ hội như nhau trong phát triển kinh tế - xã hội.	Đạt
	4. Hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước/các loại hình tương tự hợp vệ sinh	- Thực hiện tốt việc giữ gìn vệ sinh môi trường, đổ rác và chất thải đúng quy định; - Không vi phạm các quy định về vệ sinh môi trường; - Hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh theo quy định; có 3 công trình (<i>thiết bị chứa nước, nhà tắm, nhà tiêu</i>) hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (<i>sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ</i>).	Đạt
	5. Tương trợ, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng khi khó khăn, hoạn nạn	Tham gia giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, gia đình khó khăn, người già cô đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật, nạn nhân chất độc da cam và những người bất hạnh...	Đạt

Phụ lục II

CHI TIẾT TIÊU CHUẨN DANH HIỆU BẢN, TỔ DÂN PHỐ VĂN HÓA

(Kèm theo Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của UBND tỉnh)

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
I. Đời sống kinh tế ổn định và phát triển	1. Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động có việc làm và thu nhập ổn định	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động: 90% trở lên (đối với bản, tổ dân phố thuộc các xã khu vực I), 80% trở lên (đối với bản, tổ dân phố thuộc các xã khu vực II), 70% trở lên (đối với bản, tổ dân phố thuộc các xã khu vực III).	Đạt
	2. Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo thấp	- Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo: Đối với bản, tổ dân phố thuộc các xã khu vực I thấp hơn hoặc bằng mức bình quân chung của huyện, thành phố; Đối với bản, tổ dân phố thuộc các xã khu vực II cao hơn tối đa 3% mức bình quân chung của huyện, thành phố; Đối với bản, tổ dân phố thuộc các xã khu vực III cao hơn tối đa 5% mức bình quân chung của huyện, thành phố; - Thực hiện tốt Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”.	Đạt
	3. Phát triển ngành nghề truyền thống hoặc có đóng góp về văn hóa, công nghệ, khoa học kỹ thuật cho địa phương	- Có tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về văn hóa, ứng dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật, thu hút người dân tham gia; - Có hoạt động phát triển ngành nghề truyền thống (áp dụng đối với các bản, tổ dân phố có ngành nghề truyền thống); - Có hợp tác và liên kết phát triển kinh tế	Đạt

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
II. Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú	4. Tham gia, hưởng ứng các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa phương tổ chức	- Có từ 80% trở lên hộ gia đình tham gia, hưởng ứng các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa phương tổ chức; - Có từ 85% trở lên hộ gia đình tham gia cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng kinh tế - xã hội ở cộng đồng.	Đạt
	1. Nhà văn hóa, sân thể thao, điểm đọc sách phục vụ cộng đồng phù hợp với điều kiện thực tiễn của bản, tổ dân phố	Nhà văn hóa - Khu thể thao bản, tổ dân phố đảm bảo về diện tích, chỗ ngồi, trang thiết bị hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của cộng đồng dân cư, phù hợp với điều kiện thực tiễn của bản, tổ dân phố.	Đạt
	2. Trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường	100% trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường; có phong trào “khuyến học”, khuyến tài.	Đạt
	3. Tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí lành mạnh	- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, cổ động phục vụ các nhiệm vụ chính trị, sản xuất và đời sống của Nhân dân; - Duy trì tổ chức hoạt động thường xuyên phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng; các cuộc giao lưu, liên hoan, hội thi, hội diễn văn nghệ; giao hữu, thi đấu các môn thể thao.	Đạt
	4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội	- Có từ 90% trở lên hộ gia đình thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; - Không có hành vi truyền bá và hành nghề mê tín dị đoan, không có các hủ tục lạc hậu.	Đạt

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
	5. Thực hiện tốt công tác hòa giải ở cơ sở; công tác phòng, chống tệ nạn xã hội	- 90% vụ việc bạo lực gia đình được giải quyết theo quy định pháp luật; - Không để phát sinh người mắc tệ nạn xã hội ở cộng đồng; không có người sử dụng và lưu hành văn hóa phẩm độc hại; - Không có hành vi lây truyền dịch bệnh trong cộng đồng.	Đạt
	6. Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống của địa phương	- Di sản văn hóa trên địa bàn bản, tổ dân phố văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị theo quy định pháp luật về di sản văn hóa; - Có nhiều hoạt động bảo tồn và phát huy các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống ở địa phương; - Thực hiện tốt công tác bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam, thắng cảnh và các công trình công cộng trên địa bàn; - Có từ 80% trở lên người dân được nâng cao mức hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.	Đạt
III. Môi trường an toàn, thân thiện, cảnh quan sạch đẹp	1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	- 100% doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, hộ dân trên địa bàn phải đạt các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường theo quy định; chất thải, nước thải, rác thải được thu gom, xử lý đúng quy định; - 100% Hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm; - Không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm lớn (trên 30 người mắc) trên địa bàn quản lý;	Đạt

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
		- Thường xuyên quét dọn, thu gom, xử lý rác thải về nơi xử lý tập trung theo quy định (đối với các bản, tổ dân phố không có cụm, tuyến dân cư tập trung, cần tổ chức tốt việc vận động, hướng dẫn cho mỗi hộ gia đình đào hố thu gom, chôn lấp, xử lý rác thải hợp vệ sinh).	
	2. Thực hiện việc mai táng, hỏa táng (nếu có) đúng quy định của pháp luật và theo quy hoạch của địa phương	- Việc tang được tổ chức theo quy định của pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch, pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về y tế và các quy định pháp luật khác có liên quan; - Việc quy hoạch và điều kiện vệ sinh nghĩa trang phải thực hiện theo đúng quy định hiện hành; - Việc mai táng phải được thực hiện trong các nghĩa trang và theo Quy chế quản lý nghĩa trang được phê duyệt và phù hợp với điều kiện thực tế, tín ngưỡng, phong tục, tập quán từng địa phương.	Đạt
	3. Các địa điểm vui chơi công cộng được tôn tạo, bảo vệ và giữ gìn sạch sẽ	- 100% các điểm vui chơi công cộng trên địa bàn bản, tổ dân phố thường xuyên được tôn tạo, bảo vệ và giữ gìn sạch sẽ; - Các điểm vui chơi công cộng độc lập phải đảm bảo đạt 80% trang thiết bị, điều kiện cơ sở vật chất văn hóa, thể thao phục vụ nhu cầu các hoạt động vui chơi, giải trí cho người già và trẻ em.	Đạt
	4. Tham gia tự quản trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường và phòng, chống dịch bệnh	- 100% hộ gia đình cam kết tự quản trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường và phòng, chống dịch bệnh; - Hộ gia đình tham gia trồng cây xanh công cộng tại các bản, tổ dân phố, khu vui chơi; trồng hoa, cây xanh trong khuôn viên gia đình;	Đạt

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
IV. Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giữ vững trật tự, an toàn xã hội; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương		- Có ít nhất 80% hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh theo quy định; có 3 công trình (thiết bị chứa nước, nhà tắm, nhà tiêu) hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ); - Không có hành vi lây truyền dịch bệnh; thường xuyên cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước; cải tạo các ao, hồ sinh thái.	
	1. Tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	- Định kỳ có tổ chức hoạt động tuyên truyền, phổ biến thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương tới bà con Nhân dân; - Tạo điều kiện cho Nhân dân tham gia giám sát hoạt động cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức thông qua việc tổ chức tốt tiếp xúc cử tri và đối thoại trực tiếp công dân với cấp lãnh đạo theo định kỳ; - Có từ 90% trở lên hộ gia đình được phổ biến và nghiêm chỉnh thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; - Bản, tổ dân phố được công nhận là đơn vị “không có ma túy” hoặc “sạch ma túy”.	Đạt
	2. Tổ chức triển khai các phong trào thi đua của địa phương	Triển khai Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Phong trào “Chung sức, chung lòng xây dựng nông thôn mới”, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và các phong trào, cuộc vận động thi đua khác bằng nhiều hình thức thiết thực, hiệu quả, nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.	Đạt

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
	3. Các tổ chức tự quản ở cộng đồng hoạt động có hiệu quả	- 100% các tổ chức tự quản trên địa bàn bản, tổ dân phố phát huy vai trò tự chủ, tự quản của người dân tại cộng đồng dân cư; - Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để Nhân dân phát huy quyền làm chủ theo đúng tinh thần Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở; - Hương ước, quy ước của bản, tổ dân phố được UBND xã phê duyệt; phát huy vai trò tự quản cộng đồng thông qua thực hiện hương ước, quy ước; nhân rộng phát huy những mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả; - Không để xảy ra các hoạt động: Chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng; tuyên truyền phát triển đạo trái pháp luật, hoạt động ly khai, đòi tự trị, gây rối an ninh, trật tự; mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ Nhân dân; - Không để xảy ra tội phạm nghiêm trọng và không có công dân của bản, tổ dân phố phạm tội nghiêm trọng trở lên; - Không để xảy ra cháy, nổ, tai nạn giao thông và tai nạn lao động nghiêm trọng do công dân của bản, tổ dân phố gây ra ở cộng đồng; - Phản ánh kịp thời những đề xuất, kiến nghị của Nhân dân, giải quyết những vấn đề bức xúc ở cơ sở; không để có khiếu kiện đông người trái pháp luật.	Đạt

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
	4. Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn đạt danh hiệu gia đình văn hóa	- Hộ gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”: 80% trở lên (đối với bản, tổ dân phố thuộc các xã khu vực I), 75% trở lên (đối với bản, tổ dân phố thuộc các xã khu vực II), 65% trở lên (đối với bản, tổ dân phố thuộc các xã khu vực III); - Đảm bảo nguyên tắc xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa khách quan, công bằng, chính xác và công khai.	Đạt
	5. Thực hiện tốt công tác phòng, chống bạo lực gia đình/ bạo lực trên cơ sở giới	- Thực hiện tốt Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Bình đẳng giới và Chính sách dân số; - Không để xảy ra các vụ bạo lực gia đình có tính chất nổi cộm; trên địa bàn thôn, khu phố có xây dựng Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững và Nhóm phòng, chống bạo lực gia đình.	Đạt
	1. Thực hiện các Cuộc vận động, Phong trào thi đua yêu nước do trung ương và địa phương phát động	Thực hiện đầy đủ các chính sách của Nhà nước về các hoạt động nhân đạo, từ thiện và đẩy mạnh thực hiện phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Cuộc vận động vì người nghèo” và các cuộc vận động khác.	Đạt
V. Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng	2. Quan tâm, chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, người có công, người khuyết tật, người lang thang, cơ nhỡ và người có hoàn cảnh khó khăn	- Tổ chức phát động và thực hiện tốt hoạt động “Nhân đạo từ thiện”, giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, hỏa hoạn, gia đình gặp khó khăn, người cô đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật, nạn nhân chất độc da cam-dioxin và những người bất hạnh; - 100% gia đình chính sách, người có công với cách mạng, các đối tượng thuộc diện được hưởng trợ cấp theo quy định được quan tâm giúp đỡ, hoàn thành thủ tục và nhận trợ cấp xã hội đầy đủ;	Đạt

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
		- Có các hoạt động hiệu quả nhằm chăm sóc, hỗ trợ thường xuyên của cộng đồng đối với đối tượng đặc biệt khó khăn; huy động sự đóng góp của cộng đồng, kịp thời cứu trợ, giúp đỡ thiết thực cho các đối tượng xã hội gặp khó khăn, bất hạnh trong cuộc sống.	
	3. Triển khai hiệu quả các mô hình “Gia đình học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Dòng họ học tập” và các mô hình về văn hóa, gia đình tại cơ sở	Có tổ chức tuyên truyền, vận động, triển khai phong trào học tập suốt đời, nhân rộng các mô hình “ Xây dựng Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập”, “Công dân học tập” gắn với nội dung triển khai xây dựng “Gia đình văn hóa”, “Bản văn hóa”, tại cơ sở.	Đạt

Phụ lục III
CHI TIẾT TIÊU CHUẨN DANH HIỆU XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TIÊU BIỂU
(Kèm theo Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của UBND tỉnh)

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
I. Thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được giao	1. Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác	- Thực hiện tốt công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tỷ lệ tội phạm, vi phạm pháp luật, tai nạn giao thông không tăng so với năm trước; không có vụ việc về cháy, nổ, tai nạn giao thông từ nghiêm trọng trở lên (<i>trừ trường hợp bất khả kháng</i>), không có đối tượng tham gia đua xe và không để xảy ra tình trạng đua xe trái phép trên địa bàn; - Xây dựng và thực hiện tốt nếp sống văn minh nơi công cộng, trong các sinh hoạt tập thể, cộng đồng; không có tệ nạn phát sinh, giảm mạnh các tệ nạn xã hội hiện có; - Không để xảy ra tình trạng lấn chiếm lòng đường, hè phố, coi nói, làm mái che, mái vẩy gây cản trở giao thông, đặt biển quảng cáo sai quy định, gây mất mỹ quan đô thị; - Không để xảy ra hoạt động chống đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết; - Không để xảy ra các hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc gia; - Không để xảy ra hoạt động tin ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật; hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện phức tạp về an ninh trật tự; - Không để xảy ra hoạt động kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo người khác tập trung đông người	Đạt

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
		khiếu nại, gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại để tuyên truyền chống nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo; - Xã, phường, thị trấn được công nhận an toàn về an ninh, trật tự; - Xã, phường, thị trấn được công nhận đơn vị không có ma túy.	
	2. Hợp tác và liên kết phát triển kinh tế xã hội	- Có các mô hình kinh tế hợp tác và liên kết phát triển kinh tế xã hội (<i>hợp tác xã, hội doanh nhân, doanh nghiệp...</i>); - Có nhiều hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh, thu hút lao động việc làm, nâng cao thu nhập của người dân; - Có từ 85% trở lên hộ gia đình làm nông nghiệp trong xã được tuyên truyền, phổ biến khoa học - kỹ thuật về lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; - Có từ 20% trở lên hộ gia đình phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập từ sản xuất nông nghiệp hàng hóa và dịch vụ nông thôn.	Đạt
	3. Thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng của địa phương	- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm các nghị quyết của Đảng, Quân ủy Trung ương, chỉ thị, mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu về thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu, cứu hộ, cứu nạn; - Đẩy mạnh nâng cao chất lượng xây dựng các mô hình về quốc phòng địa phương, dân quân tự vệ; tuyên truyền, vận động và thực hiện tốt công tác nghĩa vụ quân sự địa phương theo quy định;	Đạt

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
		- Quan tâm làm tốt công tác giáo dục quốc phòng và an ninh, nhất là đối với chức sắc, chức việc, nhà tu hành trong các tôn giáo, già làng, trưởng bản; - Nâng cao chất lượng tổng hợp, trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương, thực hiện huấn luyện “3 thực chất”, “3 sẵn sàng”, “4 tại chỗ” kết hợp tập trung xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện “mẫu mực tiêu biểu” ...; - Tích cực triển khai các hoạt động dân vận, chính sách như: Khám bệnh, cấp thuốc miễn phí, tặng quà cho người nghèo, học sinh nghèo vượt khó; hoàn thành xây dựng các công trình sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao, nhà “Tình nghĩa Quân - Dân”, nhà đồng đội.	
II. Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển	1. Thu nhập bình quân đầu người bằng hoặc cao hơn năm trước	- Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động từ 90% trở lên (<i>đối với phường</i>), 80% trở lên (<i>đối với thị trấn</i>), 70% trở lên (<i>đối với xã</i>); - Thu nhập bình quân đầu người bằng hoặc cao hơn thu nhập bình quân đầu người của toàn tỉnh.	Đạt
	2. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều thấp hơn so với mức trung bình của địa phương	Tổ chức phát động và thực hiện tốt cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” và các cuộc vận động khác, góp phần đưa tỷ lệ hộ nghèo đa chiều thấp hơn so với mức trung bình của huyện, thành phố.	Đạt
	3. Hệ thống đường điện đảm bảo an toàn trên địa bàn	- Triển khai thực hiện tốt các quy định về an toàn điện; - 100% hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn được cung cấp đảm bảo nguồn điện cho sinh hoạt và sản xuất;	Đạt

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
		- Định kỳ kiểm định, kiểm tra an toàn kỹ thuật các thiết bị; thường xuyên bảo dưỡng, thay thế dụng cụ điện trên địa bàn.	
4. Tổ chức, quản lý, sử dụng đúng mục đích và hoạt động có hiệu quả các công trình công cộng, trường học, trạm y tế		- 100% các công trình công cộng, trường học, trạm y tế trên địa bàn được đưa vào sử dụng đúng mục đích, công năng, hoạt động đạt hiệu quả tốt; - Xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế; đạt 90% người dân tham gia bảo hiểm y tế; - Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (<i>chiều cao theo tuổi</i>) dưới 15%; - Có từ 90% trở lên trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có ít nhất 60% trở lên số trường học trên địa bàn được công nhận đạt chuẩn quốc gia; - Đạt 100% phổ cập đối với giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; - 70% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (<i>phổ thông, bổ túc trung cấp</i>); - Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt trên 50% đối với phường, thị trấn; trên 40% đối với xã.	Đạt
III. Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú	1. Tỷ lệ bản, tổ dân phố đạt danh hiệu bản, tổ dân phố văn hóa trong năm	Bản, tổ dân phố được công nhận danh hiệu “Bản, tổ dân phố văn hóa” trong năm: 80% trở lên (<i>đối với phường, thị trấn</i>); 75% trở lên (<i>đối với xã khu vực I</i>), 70% trở lên (<i>đối với xã khu vực II</i>), 65% trở lên (<i>đối với xã khu vực III</i>).	Đạt

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
	2. Thiết chế văn hóa, thể thao có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm; được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hoạt động thường xuyên, hiệu quả	- 100% Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, phường, thị trấn, Nhà Văn hóa - Khu thể thao bản, tổ dân phố đảm bảo diện tích, có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm; được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hoạt động thường xuyên, hiệu quả; - Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, phường, thị trấn phải đảm bảo đủ các phòng chức năng theo quy định; thường xuyên bổ sung trang thiết bị, cập nhật các đầu sách, báo, tài liệu tuyên truyền các quy định của pháp luật...	Đạt
	3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội	Có 90% số hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và nếp sống văn minh đô thị theo các quy định của trung ương, địa phương và quy ước, hương ước của bản, tổ dân phố.	Đạt
	4. Bảo tồn, phát huy các giá trị lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống của địa phương	- Di sản văn hóa trên địa bàn xã, phường, thị trấn thường xuyên được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị theo quy định pháp luật về di sản văn hóa; - Thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể thao đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của Nhân dân; - Có nhiều hoạt động bảo tồn và phát huy các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống ở địa phương; - Thực hiện tốt công tác bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam, thắng cảnh và các công trình công cộng trên địa bàn; - Có từ 80% trở lên người dân được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.	Đạt

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
IV. Môi trường an toàn, thân thiện, cảnh quan sạch đẹp	1. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ	- Phát động phong trào trồng cây xanh công cộng tại các đường phố, khu vui chơi; các hộ gia đình trồng hoa, cây xanh trong khuôn viên gia đình, trên địa bàn khu dân cư; - 100% Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, hộ dân trên địa bàn phải đạt các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường theo quy định; chất thải, nước thải, rác thải được thu gom, xử lý đúng quy định; - Thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương về ANTT; - Tổ chức phát động phong trào thi đua xây dựng khu dân cư “An toàn về ANTT.	Đạt
	2. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch tại địa phương	- Xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được thực hiện theo quy định hiện hành; - Quy hoạch nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được thực hiện theo Quy chuẩn hiện hành Bộ Xây dựng; - Khoảng cách an toàn môi trường từ hàng rào nghĩa trang tới khu dân cư, công trình công cộng phải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch xây dựng.	Đạt
	3. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	- 100% hộ gia đình sử dụng nước sạch theo quy định; có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (<i>sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ</i>); - 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm; không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm lớn (<i>trên 30 người mắc</i>) trên địa bàn quản lý.	Đạt

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
V. Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	4. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	- Thực hiện trồng cây xanh công cộng tại các đường phố, khu vui chơi; các hộ gia đình trồng hoa, cây xanh trong khuôn viên gia đình, trên địa bàn khu dân cư; - 100% Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, hộ dân trên địa bàn phải đạt các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường theo quy định; chất thải, nước thải, rác thải được thu gom, xử lý đúng quy định, không để xảy ra tồn đọng tại các khu dân cư tập trung.	Đạt
	1. Tuyên truyền, tổ chức thực hiện nghiêm các chủ trương, của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	- 90% trở lên hộ gia đình được phổ biến và nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; - Thực hiện tốt việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng và thực hiện các chính sách xã hội theo đúng quy định; - Xử lý kịp thời, dứt điểm các vi phạm pháp luật về quy hoạch, kiến trúc, xây dựng; không có công trình xây dựng vi phạm pháp luật nghiêm trọng đến mức phải cưỡng chế, tháo dỡ; - Các cơ sở kinh doanh, dịch vụ văn hóa được xây dựng theo quy hoạch, thực hiện nghiêm các quy định pháp luật; không có cơ sở tàng trữ, lưu hành sản phẩm văn hóa có nội dung độc hại.	Đạt
	2. Triển khai dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp theo đúng quy định	- Thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp đơn giản, thuận tiện, tiến bộ đáp ứng được nhu cầu của người dân trên địa bàn; - Tổ chức triển khai dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp theo đúng quy định;	Đạt

Tên tiêu chuẩn	Khung tiêu chuẩn	Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng	Đánh giá
		- Có từ 80% trở lên thủ tục hành chính triển khai dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình.	
	3. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để Nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương	- 100% bản, tổ dân phố xây dựng và thực hiện tốt hương ước, quy ước cộng đồng; có tổ tự quản hoạt động thường xuyên; mâu thuẫn, bất hòa được giải quyết tại cộng đồng; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, không có khiếu kiện đông người, vượt cấp, trái pháp luật; - Tạo điều kiện cho Nhân dân tham gia giám sát hoạt động cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức thông qua việc tổ chức tốt tiếp xúc cử tri và đối thoại trực tiếp công dân với cấp lãnh đạo theo định kỳ.	Đạt
	4. Xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	- Triển khai thực hiện hiệu quả các tiêu chí quy định về Xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; - Xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.	Đạt

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com